

Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản Cáo Bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

## **BẢN CÁO BẠCH**

### **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TRIỂN VỌNG NTP**

(Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 34/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 05/07/2022)

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ngày *17/09/2025*

#### **1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

Tên Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TRIỂN VỌNG NTP**

Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng số: 121/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 06/05/2022

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số: 34/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/07/2022

Loại hình Quỹ: Quỹ đầu tư dạng mở

Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN: *17/09/2025*

Thời hạn hiệu lực của Bản cáo bạch kể từ ngày: *02/10/2025*

#### **2. CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ông **Trương Thái Đạt**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc** – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (NTP AM)

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, phường Cửa Nam, Hà Nội.

Tel: (024) 37100299

Fax:

Email: [info@ntpam.com.vn](mailto:info@ntpam.com.vn)

Website: <https://ntpam.com.vn>

#### **3. NƠI CUNG CẤP CÁC TÀI LIỆU QUỸ**

Bản cáo bạch cùng với các tài liệu của Quỹ (Điều lệ Quỹ, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính và các tài liệu cần thiết khác) được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (NTP AM) <https://ntpam.com.vn> tại trụ sở Công ty và các Đại lý phân phối.





## I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Công ty Quản lý Quỹ

Ông Lê Ngọc Đức	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trương Thái Đạt	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Mẫu	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Ngân hàng Giám sát

Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)

Đại diện: Ông Võ Trí Thanh

Chức vụ: Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (NTP AM) lập. Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP (NTPPF) xác nhận các thông tin có liên quan đến ngân hàng giám sát trong Bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (NTP AM), là công ty quản lý quỹ của NTPPF và theo quy định của pháp luật.

## II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Tại Bản cáo bạch này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

<b>“Quỹ” hay “Quỹ NTPPF”</b>	Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP, thực hiện chào bán ra công chúng và được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
<b>“Công ty Quản lý Quỹ” hay “NTP AM”</b>	Là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (NTP AM), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 54/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2014, giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/10/2023 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

**“Ngân hàng giám sát”**

Là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Lưu ký Chứng khoán số 14/GPHDLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

**“Công ty Kiểm toán”**

Là một công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và được Đại hội nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ.

**“Điều lệ Quỹ”**

Là Điều lệ Quỹ NTPPF, bao gồm Điều lệ, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ dự thảo và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

**“Bản cáo bạch”**

Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ của Quỹ.

**“Hợp đồng giám sát”**

Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.

**“Đại hội nhà đầu tư”**

Là Đại hội của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.

<b>“Ban đại diện Quỹ”</b>	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư của Quỹ bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam.
<b>“Vốn Điều lệ Quỹ”</b>	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả các Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.
<b>“Chứng chỉ Quỹ đầu tư” hay “Chứng chỉ Quỹ”</b>	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá của 01 Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
<b>“Giá phát hành”</b>	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị Quỹ. Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ Quỹ; hoặc bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.
<b>“Giá mua lại”</b>	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.
<b>“Giá dịch vụ quản lý Quỹ”</b>	Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ.
<b>“Giá dịch vụ phát hành”</b>	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư và được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối.
<b>“Giá dịch vụ mua lại”</b>	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ mua lại được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị bán thực hiện được và được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
<b>“Lợi tức Quỹ”</b>	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí

hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.

**“Năm tài chính”**

Là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo

**“Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ (NAV)”**

Là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định giá.

**“Ngày định giá”**

Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

**“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ” hay “Ngày giao dịch”**

Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ.

**“Thời điểm đóng sổ lệnh”**

Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

**“Bỏ phiếu điện tử (e-voting)”**

Là hình thức giúp các Nhà đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.

**“Đại lý chuyển nhượng”**

Là Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền để quản lý Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ. Phạm vi hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của Đại lý chuyển nhượng được quy định tại Điều lệ Quỹ.

**“Đại lý phân phối”**

Là tổ chức được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng và đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý

	Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ.
<b>“Đại lý ký danh”</b>	Là đại lý phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại sở phụ.
<b>“Điểm nhận lệnh”</b>	Là trụ sở chính của Đại lý phân phối hoặc các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại lý phân phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà đầu tư.
<b>“Đơn vị Quỹ”</b>	Là vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị Quỹ. Mỗi đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
<b>“Nhà đầu tư”</b>	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
<b>“Sổ đăng ký Nhà đầu tư”</b>	Là tài liệu ghi nhận thông tin về Nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
<b>“Ủy ban Chứng khoán Nhà nước” hay “UBCKNN”</b>	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước của Việt Nam.
<b>“VNX”</b>	Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
<b>“HSX”</b>	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
<b>“HNX”</b>	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
<b>Các định nghĩa khác</b>	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

### III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

#### 1. Tổng quan nền kinh tế Việt Nam

##### Các chỉ số vĩ mô Việt Nam

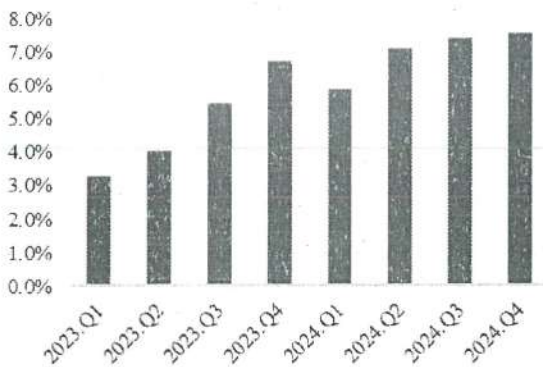
	01/24	02/24	03/24	04/24	05/24	06/24	07/24	08/24	09/24	10/24	11/24	12/24
<b>Chỉ số kinh tế</b>												
PMI	50,3	50,4	49,9	50,3	50,3	54,7	54,7	52,4	47,3	51,2	50,8	49,8
IIP	18,3 %	-6,8%	4,1%	6,3%	8,9%	10,9 %	11,2 %	9,5%	10,8 %	7,0%	8,9%	8,8%
Retail Sales	8,1%	8,5%	9,2%	9,0%	9,5%	9,1%	9,4%	7,9%	7,6%	7,1%	8,8%	9,3%
Export	42,2 %	-4,7%	14,5 %	11,0 %	17,0 %	12,4 %	19,5 %	14,7 %	11,0 %	10,3 %	8,5%	8,0%
Import	33,5 %	2,0%	9,7%	20,0 %	29,9 %	14,4 %	25,2 %	12,7 %	11,5 %	13,8 %	9,6%	14,3 %

FDI	9,6%	10,0%	3,2%	8,1%	9,4%	9,3%	9,6%	5,3%	13,2%	7,6%	-6,7%	25,2%
CPI	3,4%	4,0%	4,0%	4,4%	4,4%	4,3%	4,4%	3,5%	2,6%	2,9%	2,8%	2,9%
<b>Chính sách tiền tệ và thị trường tài chính</b>												
ON rate	1,1%	1,5%	2,8%	4,2%	2,9%	4,7%	4,5%	4,5%	4,5%	3,6%	3,1%	3,0%
Discount rate	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%
Big 4 12M deposit rate	5,0%	4,8%	4,8%	4,7%	4,7%	4,7%	4,7%	4,7%	4,7%	4,7%	4,7%	4,7%
5Y Govi Bond Yield	1,5%	1,5%	1,9%	2,2%	2,2%	2,1%	2,1%	2,1%	2,0%	2,0%	2,1%	2,4%
Credit growth yoy	-0,9%	0,7%	1,3%	1,7%	2,5%	6,0%	5,7%	6,3%	9,0%	10,1%	11,9%	15,1%
USD/VND	24,42	24,64	24,81	25,33	25,44	25,45	25,28	24,87	24,58	25,55	25,34	25,48

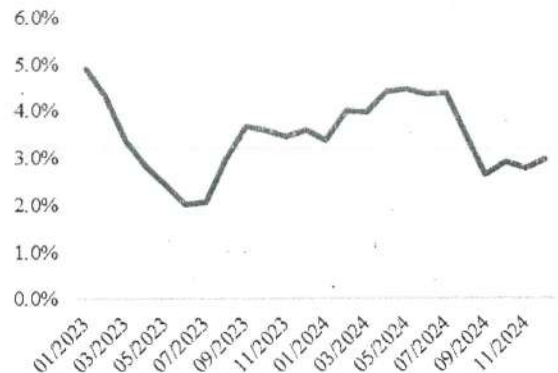
Nguồn: NTP AM tổng hợp

Năm 2024, nền kinh tế thế giới trải qua nhiều diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro bất định. Căng thẳng địa chính trị tiếp tục leo thang trong khi đó cạnh tranh giữa các nước lớn trên thế giới diễn ra càng ngày càng gay gắt và tác động trực tiếp tới nền kinh tế toàn cầu. Đối với kinh tế trong nước, Việt Nam đối mặt với không ít những khó khăn trong năm 2024 khi đơn hàng tiếp tục suy giảm, sản xuất và tiêu dùng nội địa chậm lại, Tuy nhiên, với sự đồng thuận và giúp sức của Chính phủ, các ộ ban ngành và toàn bộ người dân, Việt Nam đã chủ động thích ứng với sự biến động trên toàn cầu. Nhờ đó, nền kinh tế của Việt Nam phục hồi tích cực khi GDP của Việt Nam đạt 476 tỷ USD, tương ứng mức tăng 7,09% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn nhiều so với mục tiêu 6,0–6,5% mà Quốc hội đề ra. Tăng trưởng vượt kế hoạch này chủ yếu được thúc đẩy bởi ngành dịch vụ và công nghiệp, khi chỉ số PMI sản xuất duy trì trên ngưỡng mở rộng 50 điểm, phản ánh đà sản xuất ổn định. Trong đó, tỷ trọng lĩnh vực công nghiệp – xây dựng chiếm 37,6%, dịch vụ chiếm 42,4%, trong khi nông nghiệp giữ khoảng 8,4%. Về lạm phát, CPI trong năm 2024 được kiểm soát tốt. Chỉ số CPI cả năm tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Tăng trưởng GDP (YoY %)



Chỉ số giá tiêu dùng - CPI (YoY)

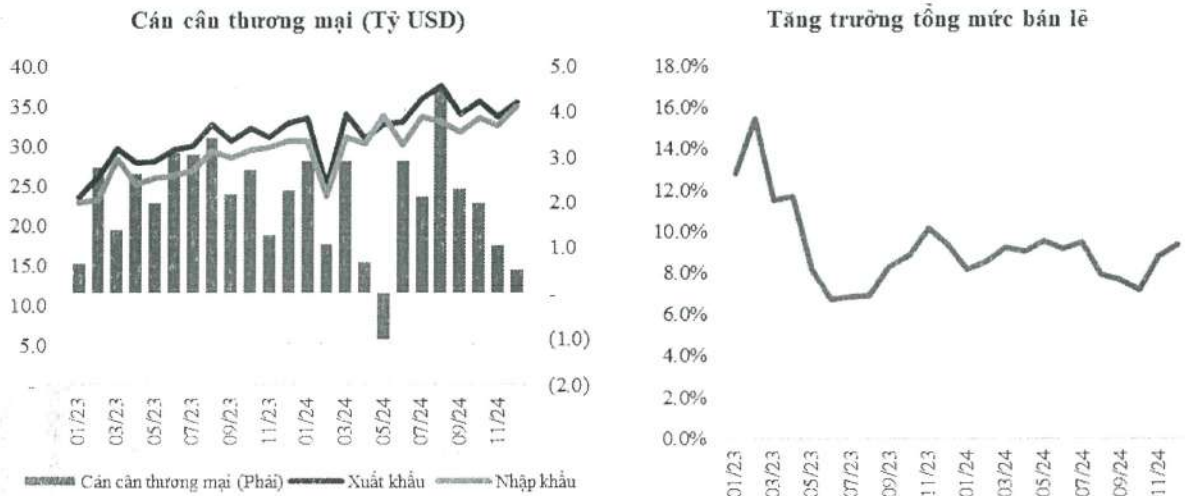


Nguồn: GSO, NTP AM tổng hợp

Dấu hiệu tích cực của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024 chủ yếu đến từ hoạt động bán lẻ và hoạt động xuất nhập khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2024 đạt 405,5 tỷ USD (tăng 14,3% YoY), nhập khẩu 380,8 tỷ USD (tăng 16,7% YoY), như vậy, cán cân thương mại vẫn duy trì thặng dư 24,7 tỷ USD. Hoạt động nhập khẩu cuối năm tăng nhẹ nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa khiến cho cán cân thương mại có sự suy giảm nhẹ. Tuy nhiên, xuất khẩu có sự bứt phá cuối năm trong lĩnh vực công nghệ, điện thoại với sự đóng góp không nhỏ từ sự hiện diện

của các tập đoàn nước ngoài, điều này hỗ trợ cán cân thương mại tăng trưởng dương trong năm 2024.

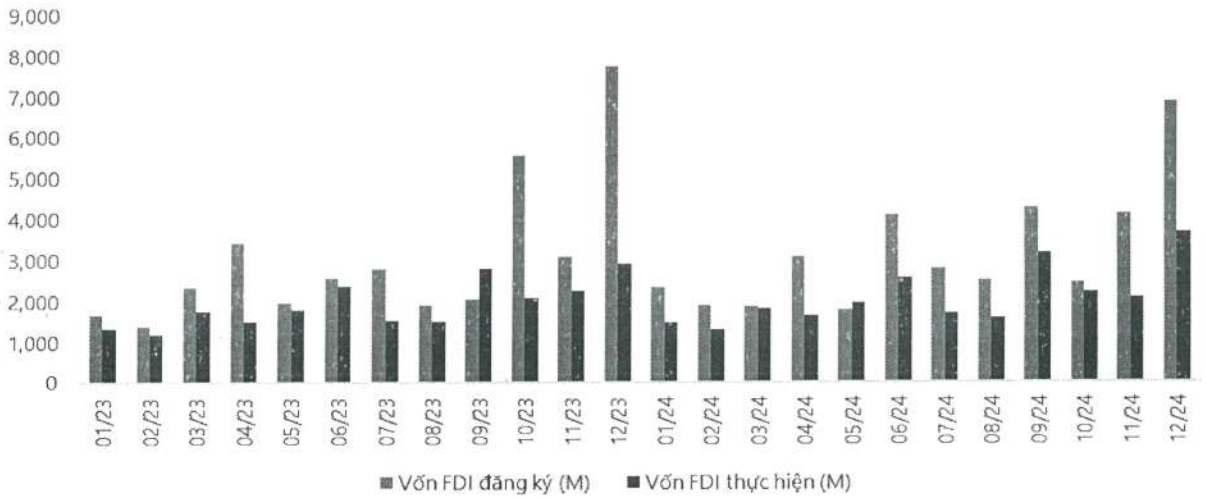
Bên cạnh đó, tổng mức bán lẻ có dấu hiệu hồi phục là một điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam năm 2024 do nỗ lực thực thi các chính sách kích cầu tiêu dùng của Chính phủ như giảm thuế VAT cho một số mặt hàng thiết yếu, góp phần giảm chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận. Điều này đã đóng góp vào tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024.



*Nguồn: NTP AM tổng hợp*

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục đóng vai trò tích cực trong tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024. Mặc dù môi trường kinh tế toàn cầu suy yếu khiến nhiều doanh nghiệp thận trọng hơn với các kế hoạch đầu tư mới, nhưng vốn FDI thực hiện tại Việt Nam vẫn ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ. Điều này chủ yếu đến từ sự gia tăng dòng vốn vào các lĩnh vực công nghệ cao và năng lượng tái tạo. Các nhà đầu tư nước ngoài đang có xu hướng chuyển dịch sang các ngành có giá trị gia tăng lớn như công nghệ tài chính, bất động sản và công nghiệp bán dẫn. Xu hướng này không chỉ giúp thúc đẩy chuyển giao công nghệ, mà còn góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tạo điều kiện hình thành các cụm công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam. Ước tính trong cả năm 2024, tổng vốn FDI thực hiện đạt khoảng 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2023 và là mức giải ngân cao nhất từ trước đến nay.

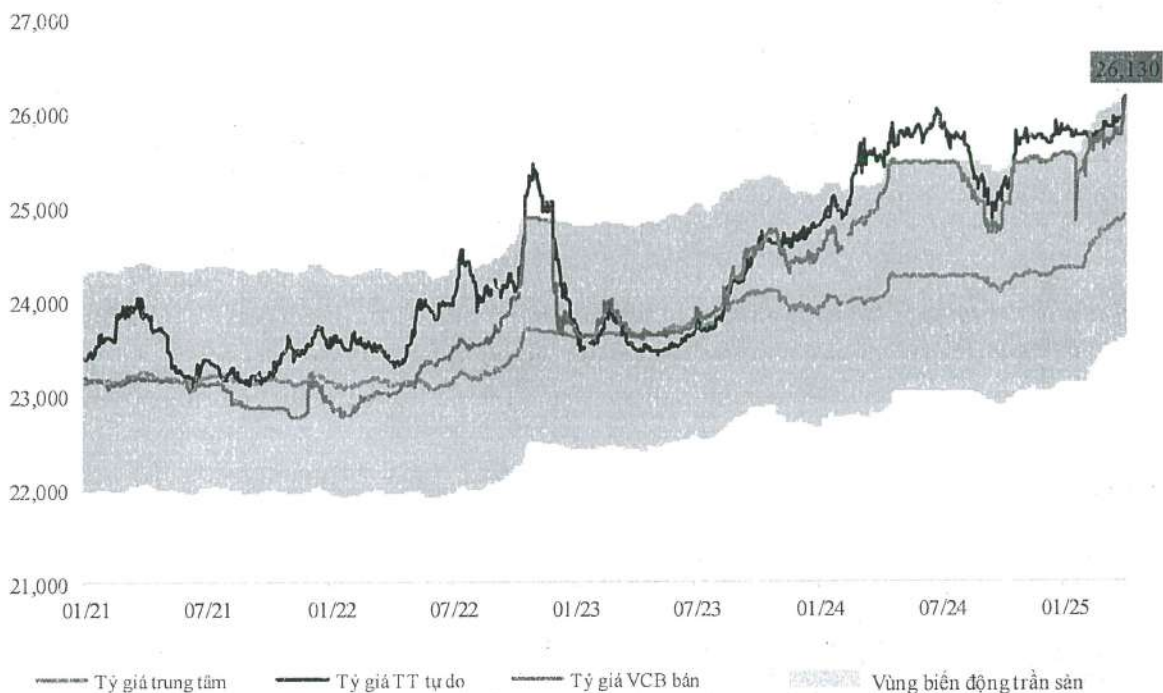
Vốn FDI (tỷ USD)



Nguồn: MPI, NTP AM

Một trong những vấn đề đáng chú ý nhất trong năm 2024 là biến động của tỷ giá. Trong năm 2024, cán cân thương mại duy trì tương đối ổn định là động lực tốt để NHNN kiểm soát tỷ giá ngay cả khi chính sách tiền tệ được nới lỏng, ngược chiều với FED. Tuy nhiên, diễn biến tỷ giá liên tục biến động tăng mạnh trong nửa cuối năm 2024 tác động lớn đến các lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu hoặc thương mại quốc tế của Việt Nam. Tính đến hết năm 2024, tỷ giá USD/VND ở mức 26.130VND, tăng 4,31% so với đầu năm 2024. Điều này khiến cho mức dự trữ ngoại hối của Việt Nam giảm đáng kể xuống còn hơn 80 tỷ USD kết thúc năm 2024 sau khi NHNN đã bán ra khoảng 9,4 tỷ USD trong suốt cả năm 2024 nhằm ổn định tỷ giá.

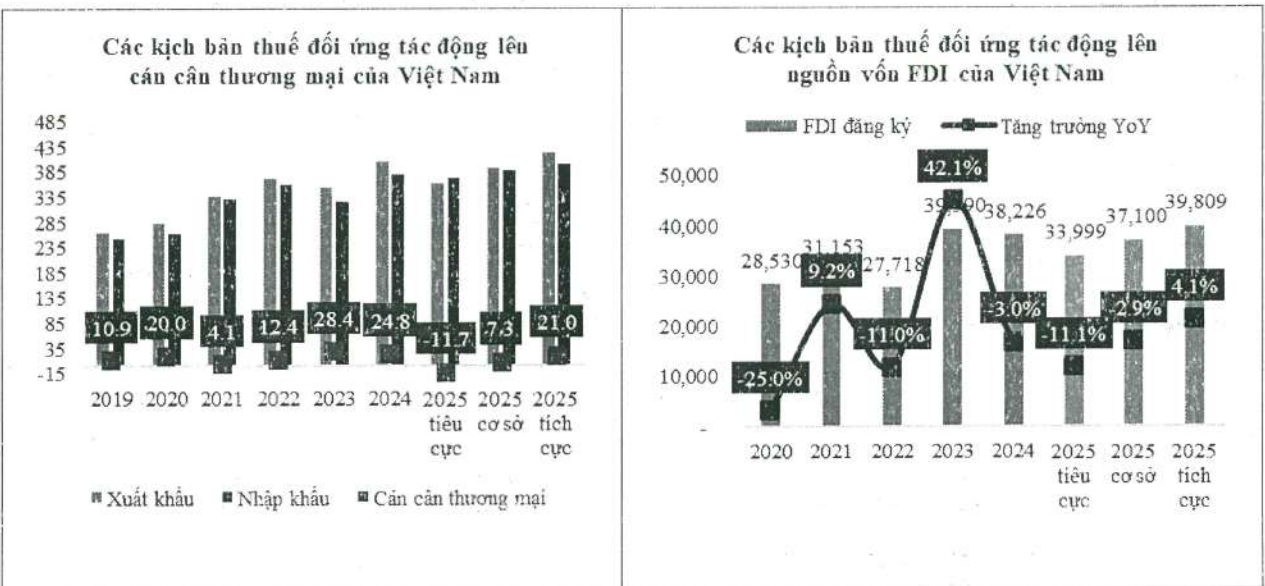
Diễn biến tỷ giá



Nguồn: NTP AM tổng hợp

Trong năm 2024, Chính phủ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế gặp khó khăn như hiện nay. NHNN đã thực hiện một loạt các hành động như bơm thanh khoản, hạ lãi suất cho vay để hỗ trợ nền kinh tế. Ngân hàng Nhà nước đã chủ động triển khai loạt biện pháp như bơm thanh khoản, điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động tín dụng. Tính đến cuối năm, tăng trưởng tín dụng đạt mức 15,08%, vượt mục tiêu đề ra từ đầu năm, thể hiện hiệu quả ban đầu của các chính sách hỗ trợ. Tuy vậy, nền kinh tế vẫn đối mặt với một số thách thức đáng lưu ý như khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn hạn chế, sức mua yếu và thị trường bất động sản chưa ghi nhận tín hiệu phục hồi rõ nét. Trong bối cảnh bất ổn toàn cầu tiếp tục gia tăng – bao gồm xung đột địa chính trị kéo dài, áp lực lạm phát và nguy cơ suy thoái tại nhiều nền kinh tế lớn – Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động nhất định đến hoạt động sản xuất, đầu tư và xuất nhập khẩu.

Về vấn đề thuế quan, ngay từ ngày 02/04/2025, Mỹ công bố áp thuế đối ứng toàn cầu, trong đó Việt Nam chịu mức thuế 46%, với mục tiêu bảo vệ ngành công nghiệp bản địa và giảm thâm hụt thương mại. Tuy nhiên, đến 09/04/2025, Hoa Kỳ đã tạm hoãn áp dụng thuế trong 90 ngày để đàm phán song phương, mở ra cơ hội Việt Nam đàm phán nhằm giảm mức thuế này. Như vậy, với vấn đề thuế quan như hiện tại, Việt Nam đánh giá rằng đây là mức thuế đối ứng rất cao so với các đối thủ cạnh tranh trong toàn khu vực. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đã kịp thời phản ứng với các động thái chính sách của Mỹ, đồng thời Việt Nam đang tiếp tục nỗ lực đàm phán với Mỹ trong việc giảm thuế đối ứng để hỗ trợ nền kinh tế. Do vậy, trong kịch bản tiêu cực, nền kinh tế chung sẽ phải chịu những áp lực lớn như giảm lượng hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ, chi phí tăng cao, gây áp lực lên chất lượng lợi nhuận của doanh nghiệp và giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường Mỹ. Nhưng mức thuế cao áp dụng cho toàn thế giới cũng ảnh hưởng tới nhu cầu của Mỹ khi đẩy nước này vào tình trạng suy thoái, với GDP tăng trưởng âm và lạm phát tăng cao. Như vậy, để ứng phó, Việt Nam đang đẩy mạnh giảm thâm hụt thương mại thông qua đa dạng hóa thị trường xuất khẩu sang EU, Nhật Bản và Hàn Quốc, đồng thời cân nhắc giảm thuế nhập khẩu và VAT với một số mặt hàng Mỹ nhằm giảm áp lực giá thành. Bên cạnh đó, việc kiểm soát nguồn cung vật liệu đầu vào và tăng cường đàm phán thương mại trong khung CPTPP, RCEP được kỳ vọng sẽ giảm thiểu tác động tiêu cực và duy trì đà tăng trưởng.



Nguồn: NTP AM tổng hợp

## Bảng tổng kết ảnh hưởng chiến tranh thương mại tới Việt Nam

			Việt Nam		Dánh giá thực trạng	Ảnh hưởng của CTTM
			đơn vị	2024	% YoY	
Quy mô và tăng trưởng nền kinh tế	GDP	tỷ USD	476	7,09%	Tích cực	Tiêu cực
	Tiêu dùng	tỷ USD	256	8,96%	Tích cực	Tiêu cực
	PMI Sản xuất	Điểm	49.2		Tiêu cực	Tiêu cực
Thương mại	Xuất khẩu	tỷ USD	405.5	14,32%	Tích cực	Tiêu cực
	Nhập khẩu	tỷ USD	380.8	16,67%	Tích cực	Trung lập
	Cán cân thương mại	tỷ USD	24.7	-12,67%	Trung lập	Tiêu cực
Chỉ tiêu điều hành vĩ mô	Thất nghiệp	%	2.24 %	-0.04%	Tích cực	Tiêu cực
	Lạm phát	% YoY	3.63 %	+0.05%	Tích cực	Trung lập
	Nợ công	%GDP	36.5 %	-0,5 %	Tích cực	Tích cực
	Lãi suất	%	4.50 %	-	Tích cực	Trung lập
	Tỷ giá	VND	26.130		Tiêu cực	Tiêu cực

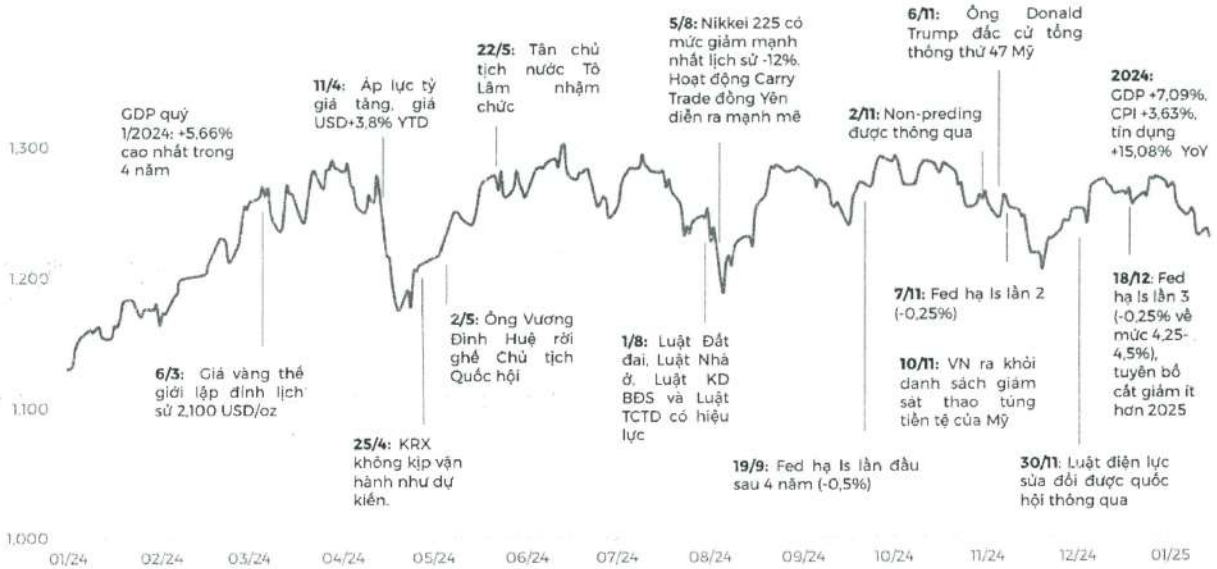
Nguồn: NTP AM tổng hợp

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, căng thẳng địa chính trị ngày càng leo thang, cuộc chiến thương mại, thuế quan giữa các quốc gia lớn diễn ra càng ngày càng khốc liệt dẫn đến nguy cơ suy thoái toàn cầu tăng cao, Việt Nam khó tránh khỏi những tác động mạnh tới nền kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, Chính phủ và Quốc hội Việt Nam vẫn sẽ nỗ lực hỗ trợ nền kinh tế với động lực chính đến từ nền kinh tế nội địa với việc tiếp tục thúc đẩy đầu tư công và đầu tư ngoài quốc doanh, duy trì, kích cầu tiêu dùng trong nước để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, Chính phủ sẽ duy trì các nhóm chính sách tài khóa và tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ để kích thích nền kinh tế. Về tăng trưởng tín dụng, NHNN định hướng mức tăng trưởng tín dụng trong năm 2025 là 16%, tiếp tục hợp tác và hỗ trợ toàn ngành ngân hàng nói chung và các doanh nghiệp nội địa nói riêng.

## 2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Trong năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận nhiều biến động với xu hướng phục hồi tích cực khi chỉ số VNIndex tăng 12,1% so với cuối năm 2023, tương ứng mức tăng gần 137 điểm trong bối cảnh kinh tế vĩ mô còn nhiều áp lực. Diễn biến này phản ánh sự kỳ vọng của nhà đầu tư vào các chính sách hỗ trợ kinh tế cũng như sự cải thiện từng bước của nền tảng tăng trưởng. Tuy nhiên, tỷ giá tiếp tục là một yếu tố thách thức lớn đối với nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị và thương mại toàn cầu có xu hướng gia tăng. Là một nền kinh tế có độ mở cao, Việt Nam đặt trọng tâm vào việc duy trì ổn định tỷ giá USD/VND, với biên độ biến động mục tiêu được kiểm soát trong khoảng 5%, nhằm bảo vệ môi trường vĩ mô ổn định và hỗ trợ hoạt động thương mại quốc tế.

## Bảng các sự kiện chứng khoán trong 2024



Nguồn: NTP AM tổng hợp

**Định giá của thị trường vẫn còn hấp dẫn.** Định giá của VNIndex hiện tại vẫn ở mức hấp dẫn khi P/E và P/B VN-Index nằm trong vùng dưới 1 độ lệch chuẩn với trung bình 5 năm. So với các nước trong khu vực, VN-Index đang giao dịch ở mức P/E khá thấp so với mức bình quân 16x. Với định giá hấp dẫn và tỷ suất lợi nhuận cao, Việt Nam vẫn là điểm đến đầu tư hàng đầu trong khu vực ASEAN.

## Bảng định giá các nhóm ngành và chỉ số VNIndex

Nhóm ngành	PE		PB		Đáy 5 năm
	Hiện tại	TB 5 năm	Hiện tại	TB 5 năm	
Dầu khí	21,2	13,0	1,1	1,3	0,8
Hóa chất	17,1	17,6	1,6	1,8	0,4
Thép	15,7	10,8	1,2	1,4	0,6
Vật liệu xây dựng	18,6	14,5	1,5	1,6	1,0
Xây dựng	17,6	19,5	1,3	1,3	0,7
Vận tải	17,1	19,2	2,8	2,8	0,8
Hàng Tiêu dùng	15,8	19,3	2,3	2,5	1,7
Bất động sản	17,9	17,7	1,4	2,3	1,2
Dịch vụ tài chính	16,8	15,4	1,3	1,6	0,7
Ngân hàng	9,3	9,9	1,5	1,6	1,3
Công nghệ Thông tin	22,1	19,8	4,3	3,4	1,0
Bán lẻ	25,3	20,6	2,7	3,0	1,6
Tiện ích, Điện – Nước	16,4	14,8	1,7	1,9	1,4
<b>VNINDEX</b>	<b>12,1</b>	<b>14,0</b>	<b>1,6</b>	<b>1,8</b>	<b>1,4</b>

Nguồn: NTP AM tổng hợp

Mặc dù nền kinh tế vĩ mô trong năm 2025 vẫn sẽ tiếp tục chịu nhiều áp lực nhưng vẫn có một số các điểm sáng có thể kỳ vọng cho sự tăng trưởng của thị trường tài chính chứng khoán trong năm nay, cụ thể bao gồm: (1) Các chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng đầu tư công bằng tăng giải ngân mạnh, kích thích cầu tiêu dùng trong nước, (2)

Việc đi vào vận hành hệ thống KRX trong năm 2025 sẽ hỗ trợ nâng cao hệ thống giao dịch chứng khoán và đóng góp vào việc nâng hạng thị trường cho Việt Nam trong thời gian tới. Tuy nhiên, thị trường sẽ gặp phải nhiều rủi ro trong năm 2025 bao gồm: (1) Rủi ro về nền kinh tế sẽ tăng trưởng chậm hơn dự kiến và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp không phục hồi như kỳ vọng khi diễn biến căng thẳng địa chính trị và cuộc chiến thương mại toàn cầu leo thang khiến cho các nước phương Tây rơi vào suy thoái, lạm phát tăng tác động đến các hoạt động sản xuất, xuất khẩu gây đứt gãy chuỗi cung ứng,... và (2) Rủi ro liên quan đến nợ xấu trong bối cảnh khó khăn sẽ khiến áp lực trả nợ của các doanh nghiệp nội địa kém đi.

Trong bối cảnh thị trường còn tiềm ẩn nhiều thách thức và đang trải qua giai đoạn điều chỉnh sâu, chúng tôi tiếp tục duy trì cách tiếp cận thận trọng nhưng linh hoạt trong việc xây dựng chiến lược đầu tư. Trên cơ sở đánh giá các yếu tố kinh tế vĩ mô và diễn biến của thị trường tài chính, chúng tôi tập trung tìm kiếm và lựa chọn các cơ hội đầu tư có khả năng hưởng lợi từ chu kỳ phục hồi kinh tế. Đồng thời, các rủi ro phát sinh từ bất ổn địa chính trị và căng thẳng thương mại toàn cầu cũng được chúng tôi theo dõi sát sao nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp.

#### **IV. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

##### **1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý quỹ**

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP
Tên viết tắt:	NTP AM
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 54/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2014, và Giấy phép điều chỉnh số 80/GPDC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/10/2023
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 5, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, phường Cửa Nam, Hà Nội.
Điện thoại:	024.37100299
Fax:	
Vốn điều lệ:	Năm mươi tỷ (50.000.000.000) đồng.

##### **2. Cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP**

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Quốc Toàn	3.250.000	65%
2	Bạch Quốc Vinh	1.500.000	30%
3	Tạ Văn Mạnh	250.000	5%

### **3. Hội đồng quản trị Công ty**

#### **❖ Ông Lê Ngọc Đức – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị điều hành các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực, trong đó nổi bật các vị trí chủ chốt như: Cán sự Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển nhà Hà Nội số 17 từ năm 2005; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH cơ khí Thành Công từ năm 2007; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công từ năm 2008. Hiện ông đang nắm giữ chức vụ quản lý cấp cao tại các Công ty hàng đầu Việt Nam, nổi bật như: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hyundai Thành Công Thương mại; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ Thành Công;... Từ 04/2023, ông Đức chính thức trở thành Chủ tịch HĐQT NTP AM với chiến lược đưa NTP AM trở thành Công ty Quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam.

#### **❖ Ông Bạch Quốc Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị**

Tốt nghiệp Đại học Ngoại thương và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Irvine University. Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm và đầu tư tài chính, trong đó nổi bật là các vị trí quản lý cấp cao như: Giám đốc Ban kinh doanh Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam từ năm 2000; Giám đốc Điều hành Khu vực miền Bắc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2007; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam từ năm 2021; Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC từ năm 2022. Từ 04/2023, ông Vinh chính thức trở thành Thành viên HĐQT NTP AM.

#### **❖ Ông Nguyễn Quốc Toàn – Thành viên Hội đồng quản trị**

Tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông Toàn từng giữ những chức vụ quản lý cấp cao với vị trí chủ chốt trong lĩnh vực kinh doanh, trong đó điển hình như: Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Hyundai Tây Hồ từ năm 2019; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô Thành An từ năm 2020; Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư PV – Inconess từ năm 2020. Từ 04/2023, ông Toàn chính thức trở thành Thành viên HĐQT NTP AM.

### **4. Ban Điều hành của Công ty Quản lý quỹ**

#### **❖ Ông Trương Thái Đạt – Tổng Giám đốc**

Ông Trương Thái Đạt có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán, đưa ra khuyến nghị và xây dựng danh mục đầu tư. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại phòng Phân tích của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC), phòng Môi giới CTCP Chứng khoán DSC.

Ông Đạt có bằng cử nhân Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân và có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

### **5. Tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (NTP AM), tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư An Phát được thành lập theo Giấy phép số 54/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2014.

Tình hình hoạt động của công ty trong năm (05) năm gần nhất:

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng Doanh thu	873,44	3.573,88	5.602,56	7.965,94	3.104,87
Lợi nhuận trước thuế	63,22	194,54	-11.463,11	909,06	-5.224,44
Vốn điều lệ	25.000	50.000	50.000	50.000	50.000

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tân Việt  
(nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP)*

## V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**Tên Ngân hàng giám sát:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

**Tên viết tắt:** Vietcombank

**Giấy phép thành lập số:** 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024.

**Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:** 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

**Địa chỉ trụ sở chính:** 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Điện thoại:** 024 3934 3137

**Fax:** 024 3826 5548

Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

## VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP sẽ đề xuất công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm quốc tế hoạt động tại Việt Nam và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn hoặc để trình Ban đại diện Quỹ xem xét, lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội nhà đầu tư.

NTP AM dự kiến đề xuất công ty kiểm toán thuộc nhóm 4 công ty kiểm toán lớn nhất thế giới (Big 4) đang hoạt động tại Việt Nam là KPMG, Ernst & Young (E&Y), PriceWaterhouseCooper (PwC), Deloitte để kiểm toán cho Quỹ.

## VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách Đại lý phân phối (bao gồm cả Đại lý ký danh) và điểm nhận lệnh được cập nhật đầy đủ trên trang thông tin điện tử của NTP AM (<https://ntpam.com.vn>). Trường hợp có Đại lý phân phối mới (bao gồm cả Đại lý ký danh) phân phối Chứng chỉ Quỹ NTPPF thì NTP AM sẽ cập nhật thông tin tương ứng trên trang thông tin điện tử.

## VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

### 1. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ

#### **Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam**

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

### 2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng

#### **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)**

Địa chỉ: 112 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội

Quyết định thành lập: Số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định thành lập và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

### 1. Thông tin chung về Quỹ

#### 1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên quỹ: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP
- Tên viết tắt: NTPPF
- Tên tiếng Anh: NTP Equity Prospect Open-ended Fund
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 5, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, phường Cửa Nam, Hà Nội

- Điện thoại: 024 37100299 Fax
- Email: info@ntpam.com.vn
- Website: https://ntpam.com.vn

## **1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán**

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 121/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/05/2022.

## **1.3. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ**

NTPPF là quỹ đầu tư đại chúng dạng mở, tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quỹ có trách nhiệm phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phát hành theo yêu cầu của Nhà đầu tư vào ngày giao dịch. Quỹ không giới hạn thời hạn hoạt động.

## **1.4. Ban đại diện Quỹ**

### **❖ Ông Ngô Việt Thanh – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện Quỹ**

Ông Thanh hiện đang là Phó TGD Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, ông đã có kinh nghiệm 21 năm công tác trong lĩnh vực kiểm toán, trong đó có 5 năm làm việc tại Công ty Kiểm toán Việt Nam VACO nay là Deloitte Việt Nam. Ông Thanh có sự am hiểu sâu sắc cùng kinh nghiệm phong phú trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và tư vấn tới các khách hàng thuộc các Tập đoàn Nhà nước lớn. Đặc biệt, Ông Thanh cũng rất thành công khi trực tiếp quản lý, thực hiện và kiểm soát chất lượng cho các hợp đồng kiểm toán và tư vấn các khách hàng thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng hoặc các Dự án do Quốc tế tài trợ.

Ông Thanh là một trong số ít các kiểm toán viên tại Việt Nam giành được học bổng toàn phần của Chương trình lãnh đạo toàn cầu (International Partnership Program - IPP) để hoàn thành Chứng chỉ của Hội kế toán viên công chứng Úc (CPA Australia) theo chương trình hợp tác giữa Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) và CPA Australia.

### **❖ Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thành viên độc lập**

Ông Nguyễn Hoàng Linh hiện đang là Phó Giám đốc Ban Đầu tư – Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện (PTI), Ông Linh có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư. Trước khi gia nhập PTI, ông Linh từng giữ chức trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính của Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) và phụ trách mảng Kinh doanh chứng khoán. Từ tháng 07/2013, ông Linh gia nhập và trở thành Phó Giám đốc – Ban Đầu tư của Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện. Ông đã nhận bằng khen chiến sỹ thi đua của Tập đoàn Dầu khí, bằng khen của Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam.

Ông Linh có bằng cử nhân kinh tế của Học viện Tài chính và bằng thạc sỹ kinh tế của Đại học Kinh tế quốc dân.

### **❖ Ông Trần Duy Hưng – Thành viên**

Ông Trần Duy Hưng hiện đang là Phụ trách bộ phận Pháp chế Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI). Ông Hưng đã có hơn 11 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn pháp lý và kiểm soát tuân thủ tại những tổ chức tài chính lớn và có uy tín.

Ông Hưng có bằng cử nhân Luật chuyên ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội. Ông tốt nghiệp khóa đào tạo Luật sư của Học viện Tư pháp.

### **1.5. Người điều hành Quỹ**

#### **❖ Ông Trương Thái Đạt – Tổng Giám đốc**

Ông Trương Thái Đạt có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán, đưa ra khuyến nghị và xây dựng danh mục đầu tư. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại phòng Phân tích của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC), phòng Môi giới CTCP Chứng khoán DSC.

Ông Đạt có bằng cử nhân Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân và có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

#### **❖ Ông Phạm Ngọc Bách – Trưởng phòng đầu tư**

Ông Phạm Ngọc Bách có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích, tư vấn và quản lý đầu tư chứng khoán. Ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư và Quản lý Tài sản tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT và nhiều vị trí quan trọng khác trong lĩnh vực phân tích và quản lý đầu tư.

Ông Bách tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Kinh tế quốc dân liên kết với Đại học Quản trị Paris.

## **2. Điều lệ Quỹ**

Điều lệ Quỹ được tóm tắt tại Phụ lục 3 kèm theo Bản cáo bạch. Nhà đầu tư cần lưu ý rằng những nội dung tại Phụ lục 3 là nội dung tóm tắt của Điều lệ Quỹ. Để có đầy đủ thông tin, Nhà đầu tư cần tham khảo Điều lệ Quỹ NTPPF. Trong trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa Bản cáo bạch và Điều lệ NTPPF thì sẽ vận dụng nội dung của Điều lệ Quỹ. Trường hợp Nhà đầu tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định thích hợp.

## **3. Mục tiêu & Chiến lược đầu tư của Quỹ**

### **3.1. Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn và thu nhập gia tăng bền vững cho các Nhà đầu tư trên cơ sở phân tích, đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt kết hợp với phân bổ danh mục hợp lý và chủ động tối thiểu hóa rủi ro cho nhà đầu tư.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với UBCKNN.

### **3.2. Chiến lược đầu tư**

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng linh hoạt theo từng thời kỳ dựa trên những phân tích, đánh giá tổng thể về kinh tế vĩ mô, chu kỳ kinh tế và các yếu tố thị trường. Kết hợp hài hòa với các chiến lược đầu tư tăng trưởng và đầu tư giá trị, trong đó các nhóm chứng khoán sau sẽ nằm trong danh sách đầu tư tiềm năng của Quỹ:

- Nhóm chứng khoán của các công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm các cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn hoặc trái phiếu được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng hoặc được bảo lãnh bởi các định chế tài chính uy tín;
- Nhóm chứng khoán của các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng tốt trong trung và dài hạn hoặc có tính cạnh tranh cao;
- Nhóm chứng khoán đang được định giá hấp dẫn;
- Nhóm chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Khi các điều kiện thị trường hoặc của nền kinh tế có những diễn biến không thuận lợi cho việc đầu tư trung và dài hạn, Quỹ sẽ chuyển dịch danh mục đầu tư tập trung vào các tài sản an toàn hoặc các công cụ có lãi suất cố định, để giảm thiểu rủi ro trong khi vẫn đảm bảo lợi nhuận hợp lý cho các Nhà đầu tư.

#### **4. Tài sản được phép đầu tư**

Pháp luật hiện tại quy định Quỹ có thể đầu tư vào các loại tài sản sau:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Các khoản đầu tư của Quỹ vào tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ như được quy định tại điểm a, b nêu trên của các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Trường hợp Quỹ đầu tư vào các tài sản tại điểm e nêu trên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

## **5. Phân bổ tài sản đầu tư**

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu, nhưng có sự linh hoạt trong hoạt động phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của người sở hữu Chứng chỉ Quỹ. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại mục 5 Bản cáo bạch.

Khi thị trường và nền kinh tế được NTP AM được đánh giá là thuận lợi, Quỹ có thể phân bổ đầu tư phần lớn tài sản của Quỹ vào cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành, vốn hóa lớn và tiềm năng tăng trưởng tốt, phần còn lại sẽ được đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định. Bên cạnh đó, Quỹ cũng có thể đầu tư vào các công ty có giá trị vốn hóa thị trường và thanh khoản thấp hơn nhưng đáp ứng tiêu chí phát triển bền vững và có tiềm năng phát triển.

Khi các điều kiện của thị trường và nền kinh tế được NTP AM đánh giá là bất lợi cho các Nhà đầu tư, Quỹ có thể áp dụng chiến lược đầu tư thận trọng ưu tiên bảo toàn vốn cho Quỹ thông qua việc phân bổ có thể đến 100% tài sản vào các tài sản có thu nhập cố định như tiền mặt, tiền gửi, trái phiếu Chính phủ và các tài sản có thu nhập cố định khác do Chính phủ phát hành nhưng không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại mục 5 Bản cáo bạch và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể sẽ không đạt được mục tiêu đầu tư như trong trường hợp thị trường và nền kinh tế diễn biến thuận lợi.

## **6. Phương pháp lựa chọn đầu tư**

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với mỗi khoản đầu tư, Quỹ sẽ xây dựng mô hình định giá riêng là cơ sở để chọn lọc và đầu tư vào các chứng khoán đang có giá thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro tiềm tàng đối với danh mục đầu tư và phát triển các mô hình để dự báo và kiểm soát những rủi ro này.

Với phương pháp này Quỹ sẽ lựa chọn danh mục đầu tư bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động.

### **6.1. Phương pháp lựa chọn tài sản có thu nhập cố định**

Quỹ sẽ lựa chọn đầu tư vào những tài sản có thu nhập cố định đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ như tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu chuyển đổi.

## 6.2. Phương pháp lựa chọn cổ phiếu

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao. Các công ty này thường dẫn đầu ngành, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội.

Việc lựa chọn các cổ phiếu trong Danh mục đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các bước sau:

### **Bước 1: Tiến hành phân tích từ trên xuống dưới để xác định ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng:**

Quỹ sẽ áp dụng phương pháp phân tích từ trên xuống (Top-Down) gồm phân tích vĩ mô, phân tích ngành nhằm lựa chọn ra các ngành nghề hiệu quả, có tiềm năng tăng trưởng. Sau đó lựa chọn các công ty dẫn đầu ngành để phân tích. Bước đánh giá ngành giúp Quỹ có thể tập trung đầu tư vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng.

### **Bước 2: Lựa chọn công ty có chất lượng tốt đáp ứng các tiêu chí:**

- Giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn, dẫn đầu thị trường trong ngành và năng lực hoạt động
- Năng lực quản trị tốt, minh bạch
- Tình hình tài chính lành mạnh
- Khả năng sinh lời vượt trội so với các công ty khác trong ngành
- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn

Các tiêu chí này được đánh giá thông qua việc nghiên cứu phân tích kỹ các chỉ số cơ bản của công ty thông qua các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ, phỏng vấn trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành các công ty, đánh giá các khách hàng, nhà cung cấp, đe dọa từ đối thủ mới, cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành...

### **Bước 3: Đa dạng hóa danh mục đầu tư**

Dựa trên việc phân tích các chỉ số cơ bản, tiềm năng tăng trưởng công ty và ngành, hiệu quả hoạt động, rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính, tính thanh khoản.... Quỹ sẽ chủ động xây dựng danh mục đầu tư đa dạng gồm các cổ phiếu của các công ty trong các ngành nghề khác nhau.

## 7. Các hạn chế đầu tư theo luật định

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành.

### **7.1. Cơ cấu danh mục của Quỹ phải bảo đảm các quy định sau:**

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây nếu các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm

công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định hiện hành. Bao gồm các tài sản được liệt kê dưới đây:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
  - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
  - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
  - Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
  - Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán và chi nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) bao gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ; trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản bao gồm: Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng; Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- g) Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phá

- h) Thành lập bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- i) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- j) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của chính quỹ đó;
- k) Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - Không đầu tư vào quá 10% tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào Chứng chỉ Quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các Chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- l) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- m) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

**7.2. Cơ cấu đầu tư của quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn mức đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i khoản 6.1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:**

- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Do thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

**7.3.** Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh so với hạn chế đầu tư do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 6.2 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 6.1 Điều này.

**7.4.** Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

7.5. Trong vòng năm (05) ngày làm việc, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

7.6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
- d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

**7.7. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ**

- a) Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- b) Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện lệnh thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- c) Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- d) Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

**8. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ**

Giống như các hình thức đầu tư khác, việc đầu tư vào Quỹ NTPPF cũng bao hàm những rủi ro. Nhà đầu tư cần nhận thức rõ những rủi ro này và hiểu được mức độ chấp nhận rủi ro của họ để cân nhắc thật kỹ trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào Quỹ. Mặc dù Công ty Quản lý Quỹ đã áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro, nhưng vẫn có các rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ. Nhà đầu tư cần lưu ý những điểm quan trọng sau đây:

- Việc đầu tư vào Quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một Ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Nhà đầu tư có

thể không thu được lợi nhuận hoặc đạt mức lợi nhuận thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác cùng thời điểm và cùng thời gian nắm giữ, hoặc có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu. Quỹ NTPPF, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP, Ban Điều hành và nhân viên Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP không có bất cứ sự đảm bảo nào đối với vốn đầu tư ban đầu của Nhà đầu tư, cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư của Quỹ.

- Quỹ nhằm vào mục tiêu tăng trưởng tài sản ròng dài hạn cho Nhà đầu tư. Các Nhà đầu tư không nên kỳ vọng có được ngay các khoản thu nhập và có được tăng trưởng giá trị tài sản ngay trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.
- Quỹ không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức sẽ được thanh toán trong tương lai. Việc thanh toán cổ tức phụ thuộc vào nguồn phân phối lợi nhuận, chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ và cần có sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và/hoặc của Ban đại diện Quỹ. Tùy thuộc vào nguồn lợi nhuận có thể phân phối, các Nhà đầu tư có thể sẽ không nhận được khoản cổ tức như kỳ vọng hoặc như trong thời gian dự kiến.
- Kết quả hoạt động trong quá khứ của một quỹ khác, của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ.
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và chủ sở hữu, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP, Ban Điều hành và nhân viên của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP trong quá trình quản lý Quỹ này.
- Quỹ hoạt động theo cơ chế quỹ mở nên Nhà đầu tư có thể linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư hay bán lại Chứng chỉ Quỹ. Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán Chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

Dưới đây là những rủi ro chủ yếu trong đầu tư chứng khoán, nhưng không phải toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ:

- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường. Rủi ro này trên diện rộng mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ. Tuy nhiên, có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường, có thể giảm thiểu được bằng cách xác định và quản trị cụ thể đến từng loại rủi ro cấu thành, ví dụ như các rủi ro về lạm phát, rủi ro về lãi suất, rủi ro về biến động giá thị trường, rủi ro về tỷ giá.
- **Rủi ro lãi suất:** Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động theo do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung/cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất

ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu và gián tiếp tới cổ phiếu. Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Lãi suất tăng tác động trực tiếp tới nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi doanh nghiệp, khả năng tăng giá bán của công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng lên, vào kỳ vọng lạm phát; những yếu tố này gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu. Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

- **Rủi ro lạm phát:** Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do lạm phát. Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu. Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào trái phiếu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao; hoặc ngược lại. Lạm phát có mức độ ảnh hưởng gián tiếp hơn đối với cổ phiếu vì doanh nghiệp có thể chuyển phần chi phí gia tăng do lạm phát sang cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, nhìn chung trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay tăng do lãi suất huy động vốn thường cao nên doanh nghiệp giảm bớt đầu tư, khiến tăng trưởng và giá trị doanh nghiệp suy giảm. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào cổ phiếu khi đầu tư vào các doanh nghiệp có yếu tố cạnh tranh bền vững, trong đó bao gồm khả năng doanh nghiệp có thể chuyển phần lớn lạm phát sang cho khách hàng, người tiêu dùng.
- **Rủi ro thanh khoản:** Đây là rủi ro khi Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh bán của Nhà đầu tư trong một ngày giao dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian do tính thanh khoản của thị trường thấp; hay các lệnh bán/lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện một phần do NAV của Quỹ giảm thấp hơn ngưỡng pháp luật quy định, hay do tổng giá trị các lệnh bán/lệnh chuyển đổi vượt quá mức rút vốn tối đa theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trong một số trường hợp bất khả kháng, Nhà đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP (NTPPF) trong thời gian Chứng chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định trong cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Bản cáo bạch này. Khi việc thực hiện giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công ty Quản lý Quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện bán cho Nhà đầu tư. Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Quỹ luôn duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách giữ một phần trạng thái tiền tệ và tỷ lệ thích hợp ở các tài sản có tính thanh khoản cao nhất để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý; việc thanh toán trong đa phần trường hợp sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những cổ phiếu kém thanh khoản nhất thời.

- **Rủi ro pháp lý:** Thị trường chứng khoán cũng như hệ thống khung pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn còn tương đối non trẻ. Sẽ tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ để thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp.
- **Rủi ro tín nhiệm:** đối với trái phiếu và các loại chứng khoán nợ, rủi ro này thường liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người bảo đảm thanh toán bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Để hạn chế rủi ro, Quỹ có thể đầu tư vào các loại Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, có độ an toàn về khả năng thanh toán. Đối với các trái phiếu doanh nghiệp (nếu có), cho tới khi Việt Nam hình thành các tổ chức tài chính trung gian có uy tín chịu trách nhiệm đánh giá hạn mức tín nhiệm, Quỹ có thể áp dụng các kỹ thuật thống kê, hệ thống nội bộ, và tham khảo các đánh giá định mức tín nhiệm từ các tổ chức trung gian sẵn có để ra các quyết định đầu tư hợp lý giảm thiểu rủi ro.
- **Rủi ro xung đột lợi ích:** Công ty Quản lý Quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty Quản lý Quỹ điều hành. Công ty Quản lý Quỹ có thể kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập bộ phận quản lý đầu tư riêng biệt cho từng quỹ, cũng như thiết lập “tường lửa thông tin” nội bộ (Fire wall) nhằm hạn chế đến mức thấp rủi ro xung đột lợi ích này.
- **Rủi ro hạn chế đầu tư:** Do tính chất của Quỹ mở chỉ cho phép đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch, sự chậm trễ trong tiến độ cổ phần hóa và niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt sẽ làm giảm tính đa dạng và đại diện, hạn chế cơ hội tiếp cận và đầu tư của Quỹ vào các doanh nghiệp tốt nhất trên mọi ngành nghề và mức vốn hóa. Đối với thị trường trái phiếu của Việt Nam thì hiện tại còn khá hạn chế cả về số lượng, đối tượng phát hành, thể loại ngành, tần suất phát hành mới cũng như tính đa dạng của các kỳ hạn và chủng loại sản phẩm. Do đó, Công ty Quản lý Quỹ có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cơ hội giải ngân theo chiến lược phân bổ tài sản đã lựa chọn hoặc khó khăn trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư.
- **Rủi ro tái đầu tư:** Đây là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu khi dòng tiền từ trái tức được tái đầu tư với mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất thị trường tại thời điểm mua trái phiếu. Rủi ro này xảy ra khi mức lãi suất thị trường có xu hướng giảm. Việc quản trị rủi ro tái đầu tư sẽ được Quỹ thực hiện qua công tác theo dõi chặt chẽ kỳ vọng lãi suất trên thị trường, thể hiện trên đường cong lợi suất và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn dài sẽ được ưu tiên nắm giữ khi lãi suất đang ở mức cao và được kỳ vọng sẽ giảm. Trái phiếu có kỳ hạn ngắn hoặc có lãi suất thả nổi sẽ được ưu tiên nắm giữ nếu lãi suất được kỳ vọng tăng.

- **Rủi ro thiếu các công cụ phòng ngừa rủi ro:** Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Quỹ được sử dụng các chứng khoán phái sinh niêm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, các công cụ phái sinh hiện tại chưa phát triển nhiều, nên khả năng sẽ không có sẵn các công cụ cần thiết để sử dụng. Mối tương quan không hoàn hảo (imperfect correlation) giữa chứng khoán phái sinh niêm yết và tài sản cơ sở có thể phát sinh khi sử dụng chứng khoán niêm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro.
- **Rủi ro hoạt động quản lý Quỹ:** Đây là rủi ro khi không phải tất cả các quyết định đầu tư của NTPPF đều mang lại lợi nhuận hoặc đáp ứng được kỳ vọng tại thời điểm tiến hành các khoản đầu tư này, hoặc khi nhân viên đầu tư chủ chốt của NTPPF nghỉ việc.
- **Rủi ro bất khả kháng:** Đây là các rủi ro khi các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, có thể ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ, có thể bao gồm những sự kiện như:
  - + Thảm họa thiên nhiên (động đất, lũ lụt), hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
  - + Môi trường kinh doanh như khủng hoảng tài chính, hệ thống ngân hàng, hoặc các lãnh đạo chủ chốt doanh nghiệp mất khả năng điều hành;
  - + Khủng hoảng, trục trặc hệ thống thông tin, máy tính.

## **X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO**

### **1. Căn cứ pháp lý**

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 73/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

## 2. Phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu (IPO)

Quỹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 121/GCN-UBCK ngày 06/05/2022 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP
Tên viết tắt	NTPPF
Loại hình	Quỹ mở
Nhà đầu tư của Quỹ	Nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước
Thời gian hoạt động	Không giới hạn
Vốn Điều lệ huy động	58.042.439.200 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi

	<i>chín nghìn, hai trăm đồng)</i>
Đơn vị tiền tệ	Đồng Việt Nam
Mệnh giá	10.000 (mười nghìn) đồng/Đơn vị Quỹ
Phí phát hành	Miễn phí
Giá phát hành (bao gồm Phí phát hành)	10.000 (mười nghìn) đồng/Đơn vị Quỹ
Số tiền đăng ký mua tối thiểu lần đầu	500.000 (năm trăm nghìn) đồng
Ngày phát hành	Sẽ được quy định trong bản thông báo phát hành sau khi NTPPF được cấp giấy phép phát hành ra công chúng
Thời hạn phát hành lần đầu	Tối thiểu hai mươi (20) ngày và tối đa chín mươi (90) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng có hiệu lực.
Thời gian gia hạn phát hành	Sẽ được UBCKNN xem xét gia hạn nhưng không quá ba mươi (30) ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối Chứng chỉ Quỹ.

**a) Địa điểm phát hành**

- Chứng chỉ Quỹ NTPPF được phát hành lần đầu thông qua các Đại lý phân phối được chỉ định.
- Danh sách, địa chỉ các điểm nhận lệnh của Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư có thể đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ lần đầu được liệt kê ở Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

**b) Đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ lần đầu**

- Số tiền mua tối thiểu: 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.
- Không có mức giới hạn đầu tư tối đa cho Nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi các giới hạn đầu tư trên trong từng thời điểm và sẽ thông báo về các thay đổi này.
- Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải mở tài khoản Nhà đầu tư tại Đại lý phân phối, theo một trong hai dạng sau: (i) tài khoản của Nhà đầu tư (đúng tên Nhà đầu tư) hoặc (ii) tiểu khoản của Nhà đầu tư (tài khoản giao dịch trên tài khoản ký danh đứng tên của đại lý ký danh). Đại lý ký danh là Đại lý phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại sở phụ.
- Trước khi mở tài khoản Nhà đầu tư, Đại lý phân phối phải tổng hợp, thẩm định thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và thông tin phòng chống rửa tiền theo

mẫu mà pháp luật quy định. Khi đó, Đại lý phân phối có thể quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp Nhà đầu tư để yêu cầu cung cấp thông tin.

- Đại lý phân phối có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ yêu cầu về mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ nào theo các điều khoản của Điều lệ, Bản cáo bạch và các quy định về KYC, eKYC và AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho Nhà đầu tư.
- Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư phải được gửi tới Đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Lệnh giao dịch chỉ được chấp nhận khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu mà pháp luật quy định. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua Chứng chỉ Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán. Theo quy định hiện tại của Việt Nam, Nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại ở Việt Nam (Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (HICA)). Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức (bao gồm chuyển tiền đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ và nhận tiền thanh toán bán/nhận cổ tức từ Chứng chỉ Quỹ), mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình. Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát bằng Đồng Việt Nam. Nhà đầu tư có thể thực hiện chuyển tiền từ tài

khoản Ngân hàng mang tên Nhà đầu tư, từ tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư tại Đại lý phân phối hoặc từ tài khoản ngân hàng của người được ủy quyền hợp lệ. Phí chuyển tiền do Nhà đầu tư trả. Thông tin về tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát được cung cấp bởi Đại lý phân phối.

- Thời hạn thanh toán: Việc thanh toán sẽ được thực hiện trước ngày kết thúc đợt phát hành.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối theo công thức sau:

$$\text{Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua}}{\text{Giá phát hành}}$$

- Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số Chứng chỉ Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.

- Trường hợp việc đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ vi phạm quy định của pháp luật hiện hành hoặc vi phạm quy định về việc đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ (ví dụ số tiền chuyển vào tài khoản của Quỹ thấp hơn giá trị mua tối thiểu), việc đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ lần đầu coi như không hợp lệ. Số tiền đăng ký mua này sẽ được hoàn trả lại Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi Quỹ nhận được giấy thành lập Quỹ/ngày thông báo chào bán không thành công. Phí dịch vụ chuyển tiền phát sinh được trừ vào số tiền hoàn trả này.
- Trong trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ khác với số tiền ghi trên phiếu lệnh mua, nhưng không thấp hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối sẽ căn cứ trên lệnh mua.

**c) Phân phối Chứng chỉ Quỹ**

Chứng chỉ Quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai trong thời hạn phát hành Chứng chỉ Quỹ và tuân thủ pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.

- Trong trường hợp tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ vượt quá số vốn Điều lệ dự kiến huy động tối thiểu, Nhà đầu tư sẽ được phân phối đầy đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ theo như số tiền đã đăng ký và thực góp;
- Xác nhận sở hữu Chứng chỉ Quỹ sẽ được gửi cho Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực.
- Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành bao gồm cả thời gian gia hạn mà tổng số tiền đăng ký mua thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng, hoặc có ít hơn một trăm (100) nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua Chứng chỉ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ hủy đợt phát hành và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin về việc huy động vốn không thành công trong vòng hai mươi bốn (24) giờ làm việc sau khi kết thúc giai đoạn chào bán. Công ty Quản lý Quỹ sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư đồng thời thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh có liên quan đến việc huy động vốn vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày đợt phát hành bị huỷ bỏ.
- Chứng chỉ Quỹ sẽ không niêm yết giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán. Nhà đầu tư có thể giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo tại các Đại lý phân phối chỉ định sau khi Công ty Quản lý Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.

**d) Các đối tác liên quan đến đợt phát hành**

Tổ chức phát hành	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP (NTPPF)
Đại diện phát hành	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP
Ngân hàng Giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Công ty kiểm toán dự kiến	1 trong các công ty kiểm toán thuộc nhóm 4 công ty kiểm toán lớn nhất thế giới (Big 4) đang hoạt động tại Việt Nam là

KPMG, Ernst & Young (E&Y), PriceWaterhouseCooper (PWC), Deloitte.

Hệ thống Đại lý phân phối Chi tiết về địa chỉ các điểm nhận lệnh của các Đại lý phân phối được nêu chi tiết tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

### **3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo**

#### **3.1. Các quy định chung khi thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

##### **a) Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

- Ngày giao dịch: Chứng chỉ Quỹ NTPPF được giao dịch vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (tần suất giao dịch hàng ngày).
- Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

##### **b) Phương thức giao dịch**

- Nhà đầu tư có thể đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ NTPPF tại các điểm nhận lệnh của Đại lý phân phối (lưu ý: Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở của NTP AM phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà đầu tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối). Hoặc Nhà đầu tư có thể đặt lệnh qua phương thức giao dịch điện tử tuân theo pháp luật hiện hành.
- Nhà đầu tư có thể đặt lệnh tại Đại lý phân phối đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, tuy nhiên cần mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản của Nhà đầu tư tại các Đại lý phân phối khác nhau được quản lý độc lập. Nhà đầu tư có thể nộp các phiếu lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho tài khoản mở tại một Đại lý phân phối tại bất kỳ điểm nhận lệnh nào của Đại lý phân phối đó.
- Ủy quyền giao dịch: Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ, và phải điền thông tin người được ủy quyền vào “Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở”. Người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi Nhà đầu tư đăng ký lại người được ủy quyền tại Đại lý phân phối.
- Danh sách các Đại lý phân phối chỉ định và các điểm nhận lệnh được liệt kê tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch và cập nhật trên website của Công ty Quản lý Quỹ theo từng thời kỳ.
- Nhà đầu tư nước ngoài vui lòng tham khảo thêm mục 3.9 chương này “Một số lưu ý cho Nhà đầu tư nước ngoài”.

##### **c) Thời điểm đóng sổ lệnh**

- Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh cũng áp dụng cho việc Nhà đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ với Đại lý phân phối.
- Thời điểm đóng sổ lệnh cho Ngày giao dịch T: không muộn hơn thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày làm việc gần nhất trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ - 14h30 ngày T-1.
- Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

**d) Giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

- Giá phát hành 1 Đơn vị Quỹ (giá Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ);
- *Giá phát hành = Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ + Giá dịch vụ phát hành (nếu có);*
- Giá mua lại 1 Đơn vị Quỹ (giá Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư)
- *Giá mua lại = Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ - Giá dịch vụ mua lại (nếu có);*
- Giá trị tài sản ròng của 1 Đơn vị Quỹ sẽ được xác định định kỳ vào Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
- Giá trị tài sản ròng của 1 Đơn vị Quỹ và Giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể trong mục Giá dịch vụ và lệ phí dưới đây.

**e) Thời hạn xác nhận giao dịch**

- Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý chuyển nhượng của Quỹ sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà đầu tư vào sổ chính và trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi Nhà đầu tư xác nhận giao dịch.

**f) Thời hạn thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư**

- Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tiền bán Chứng chỉ Quỹ sẽ được thanh toán trực tiếp vào tài khoản đăng ký của Nhà đầu tư.

**g) Hủy lệnh giao dịch**

- Lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ chỉ được hủy trước thời điểm đóng sổ lệnh, Nhà đầu tư thực hiện hủy lệnh tại Đại lý phân phối hoặc hủy lệnh qua phương thức giao dịch điện tử mà Nhà đầu tư đăng ký giao dịch.

- Trong trường hợp Nhà đầu tư hủy lệnh sau khi đã thực hiện chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ, số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản của Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Phí chuyển tiền được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.

**h) Duy trì tài khoản Giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

- Khi tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư có số dư bằng không (0) và không phát sinh giao dịch nào trong vòng một (01) năm, tài khoản có thể bị khóa hoặc đóng tỳ theo chính sách của Công ty Quản lý Quỹ theo từng thời kỳ. Nhà đầu tư vui lòng liên hệ Đại lý phân phối để biết thêm chi tiết.

**3.2. Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ**

- Giá trị mua tối thiểu một lần giao dịch: 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.
- Lệnh mua được gửi tới Đại lý phân phối kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải Nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà đầu tư được hưởng lợi. Phí dịch vụ chuyển tiền do Nhà đầu tư trả. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ cần được thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát với nội dung chuyển khoản ngân hàng như sau:

Tên tài khoản	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP
Số tài khoản	Theo số tài khoản của từng Đại lý phân phối và được update trên website của Quỹ
Tên ngân hàng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Số tiền	Số tiền đăng ký mua
Nội dung	[Họ tên Nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch CCQ mở] mua NTPPF

- Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ khác số tiền ghi trên lệnh mua và không thấp hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối căn cứ trên lệnh mua.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua (1- Giá Dịch Vụ phát hành (\%))}}{\text{NAV một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch}}$$

- Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số Đơn vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư.

#### ❖ CÁC TRƯỜNG HỢP GIAO DỊCH MUA KHÔNG HỢP LỆ TẠI NGÀY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- Lệnh mua được gửi tới Đại lý phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được thanh toán trước thời điểm đóng sổ lệnh nhưng Nhà đầu tư không ghi phiếu đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ tại Đại lý phân phối hoặc không đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ qua phương thức giao dịch điện tử.
- Đến 17h00 giờ ngày làm việc gần nhất trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, (Ngày T-1) hoặc 17h00 ngày làm việc gần nhất trước ngày mùng 10 hàng tháng đối với chương trình đầu tư định kỳ, Quỹ không nhận được tiền thanh toán của Nhà đầu tư.
- Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền mua tối thiểu theo quy định hoặc số tiền đăng ký trong lệnh mua.
- Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ sẽ được trả vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký trong Giấy Đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở của Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch gần nhất trừ trường hợp Nhà đầu tư yêu cầu số tiền này được đầu tư vào kỳ giao dịch tiếp theo của Quỹ. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

#### 3.3. Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ

- Nhà đầu tư đặt bán bằng số lượng Đơn vị Quỹ muốn bán.
- Số lượng Đơn vị Quỹ đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Số tiền Nhà đầu tư nhận được được tính theo công thức sau:

**Giá trị bán = Số lượng CCQ được mua lại x NAV một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch x (1- giá dịch vụ mua lại (%))**

**Số tiền Nhà đầu tư nhận được sẽ bằng Giá trị bán trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có)**

- Lệnh bán có thể không thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại mục “Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ” của Bản cáo bạch này.
- Tiền bán Chứng chỉ Quỹ được chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Nhà đầu tư đăng ký tại “Giấy đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở” chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể

từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Số tiền bán Chứng chỉ Quỹ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị. Phí chuyển khoản sẽ được trừ vào số tiền bán Chứng chỉ Quỹ này.

❖ **CÁC TRƯỜNG HỢP BÁN KHÔNG HỢP LỆ NGÀY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

- Lệnh bán được gửi tới Đại lý phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ đang sở hữu.

**3.4. Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ**

- Nhà đầu tư có thể thực hiện lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ giữa các quỹ mở do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP quản lý.
- Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Nhà đầu tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu.
- Nguyên tắc thực hiện lệnh chuyển đổi: Lệnh bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị chuyển đổi được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu. Các lệnh được thực hiện tại các Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ của các quỹ tương ứng.
- Nhà đầu tư thanh toán Giá dịch vụ chuyển đổi, phí dịch vụ chuyển tiền, và thuế (nếu phát sinh) mà không phải thanh toán Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại trên số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi. Giá dịch vụ chuyển đổi được quy định tại mục Giá dịch vụ, Phí và Lệ phí dưới đây.
- Nhà đầu tư sẽ nhận được xác nhận giao dịch của lệnh chuyển đổi phụ thuộc vào thời gian xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu.
- Lưu ý: lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần như quy định tại mục 3.7 dưới đây.
- Lệnh bán chuyển đổi và lệnh mua chuyển đổi cũng áp dụng quy định về lệnh bán tối thiểu (nếu có) và giá trị mua tối thiểu như nêu trên.

❖ **CÁC TRƯỜNG HỢP CHUYỂN ĐỔI KHÔNG HỢP LỆ TẠI NGÀY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

- Lệnh chuyển đổi được gửi tới Đại lý phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ đang sở hữu.
- Số tiền thanh toán của lệnh mua chuyển đổi thấp hơn số tiền mua tối thiểu theo quy định của Quỹ mục tiêu.

**3.5. Hình thức tham gia vào Quỹ**

Nhà đầu tư có thể tham gia vào Quỹ khi có nhu cầu đầu tư phát sinh trong bất kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ nào. Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch tại điểm nhận lệnh của Đại lý phân phối cho kỳ giao dịch muốn thực hiện đầu tư. Quy trình thực hiện đầu tư vào Quỹ qua hình thức mua thông thường sẽ được thực hiện theo khoản 3.1 đến khoản 3.4 Điều này.

### **3.6. Chương trình đầu tư định kỳ (SIP)**

Chương trình đầu tư định kỳ là chương trình đầu tư có hệ thống trong một khoảng thời gian, theo đó Nhà đầu tư sẽ thanh toán một khoản đầu tư nhất định định kỳ (hàng tháng hoặc hàng quý) để mua Chứng chỉ Quỹ. Chương trình đầu tư định kỳ phổ biến ở nhiều quốc gia có lĩnh vực quỹ mở phát triển và thu hút được sự tham gia của nhiều Nhà đầu tư do những lợi ích mà chương trình đầu tư này có thể mang lại cho Nhà đầu tư.

#### **a) Lợi ích của Chương trình đầu tư định kỳ**

- Chương trình đầu tư định kỳ mang lại lợi ích cho Nhà đầu tư thông qua việc cho phép Nhà đầu tư đều đặn bỏ một khoản tiền nhất định để mua Chứng chỉ Quỹ trong một khoảng thời gian nhất định. Với việc bỏ ra một khoản tiền nhất định như vậy, Nhà đầu tư thực tế sẽ mua số lượng Chứng chỉ Quỹ nhiều hơn khi giá thấp và mua số lượng Chứng chỉ Quỹ ít hơn khi giá cao. Do đó, đến cuối kỳ đầu tư, chi phí đầu tư trung bình tính trên mỗi Đơn vị quỹ của Nhà đầu tư thường thấp hơn giá bán Chứng chỉ Quỹ trung bình, bất kể giá Chứng chỉ Quỹ biến động như thế nào. Với chương trình này, Nhà đầu tư sẽ có lợi mà không phải thường xuyên theo dõi biến động của giá Chứng chỉ Quỹ, duy trì được tính kỷ luật trong hoạt động đầu tư của mình.
- Khi tham gia vào Chương trình đầu tư định kỳ Nhà đầu tư sẽ được hưởng mức Giá dịch vụ phát hành ưu đãi.

#### **b) Phương thức tham gia**

- Thời gian tham gia tối thiểu: một (01) năm, thanh toán liên tục hàng tháng hoặc hàng quý.
- Số tiền tối thiểu: 100.000 (một trăm nghìn) đồng/tháng hoặc 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/quý.
- Nhà đầu tư có thể thay đổi giá trị khoản đầu tư và/hoặc kỳ đầu tư bất cứ lúc nào (nhưng không dưới mức đầu tư tối thiểu) bằng cách thay đổi lệnh thực hiện đầu tư định kỳ với Đại lý phân phối và các lệnh thanh toán với ngân hàng mình. Nhà đầu tư tham gia chương trình đầu tư định kỳ cũ sẽ được quyền bảo lưu hoặc chuyển đổi sang chương trình đầu tư định kỳ mới.
- Đăng ký tham gia SIP: Nhà đầu tư đăng ký tham gia chương trình đầu tư định kỳ bằng cách điền thông tin vào phiếu “Thỏa thuận chương trình đầu tư định kỳ” theo mẫu quy định và chuyển tới Đại lý phân phối.
- Thời gian thanh toán: Thời hạn cuối cùng Quỹ nhận được tiền thanh toán là 17h00 ngày mùng mười hàng tháng (SIP tháng) hoặc ngày mùng mười tháng một, tháng tư, tháng bảy và tháng mười (SIP Quý). Nhà đầu tư có thể chủ động chuyển tiền đầu tư vào tài khoản của

Quỹ hàng tháng hoặc hàng quý hoặc đặt các lệnh chờ thanh toán tại ngân hàng nơi Nhà đầu tư mở tài khoản.

- Ngày thực hiện giao dịch: Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ sẽ được thực hiện tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất sau khi Quỹ nhận được tiền mua chứng chỉ trong Chương trình đầu tư Định kỳ.
- Chương trình đầu tư định kỳ được coi là chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây:
  - ✓ Nhà đầu tư đề nghị chấm dứt tham gia;
  - ✓ Nhà đầu tư không nộp tiền đúng cam kết về thời gian và /hoặc giá trị từ ba (03) lần trở lên trong thời gian đăng ký;
- Việc bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được thực hiện tương tự quy định đối với trường hợp giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường

### **3.7. Chương trình đầu tư định kỳ linh hoạt (SIPLH)**

Đầu tư định kỳ linh hoạt được thiết kế phù hợp với những Nhà đầu tư có kế hoạch đầu tư dài hạn với tần suất đầu tư đều đặn theo tháng. Sản phẩm Đầu tư định kỳ linh hoạt giúp Nhà đầu tư thực hiện kế hoạch tích lũy cho tương lai trong thời gian dài. Chương trình đầu tư định kỳ linh hoạt được phân phối cho các đại lý phân phối của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP quản lý. Nhà đầu tư được hưởng mức Giá dịch vụ phát hành qua hình thức mua thông thường. Chi tiết giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP.

#### **Yêu cầu của hình thức Đầu tư Định kỳ linh hoạt:**

- **Thời gian tham gia:** Chương trình không giới hạn thời gian duy trì tối thiểu
- **Số tiền tối thiểu:** 100.000 ( một trăm nghìn) đồng/tháng
- **Tần suất tham gia:** Hàng tháng
- **Số tiền tham gia:** Sản phẩm không yêu cầu Nhà đầu tư cố định số tiền tham gia qua các kỳ. Nhà đầu tư có thể tham gia số tiền bất kỳ lớn hơn hoặc bằng số tiền tham gia tối thiểu, số tiền này có thể thay đổi theo kỳ tham gia của Nhà đầu tư.
- **Đăng ký tham gia:** Nhà đầu tư đăng ký tham gia vào Quỹ qua hình thức Đầu tư định kỳ linh hoạt bằng cách điền vào Phiếu “Thỏa thuận đầu tư định kỳ” theo mẫu và chuyển tới Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP hoặc đặt lệnh tham gia vào Quỹ qua hình thức đầu tư định kỳ qua phương thức giao dịch điện tử.
- **Ngày đóng tiền Đầu tư định kỳ linh hoạt:** là ngày Nhà đầu tư thanh toán tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Ngày đóng tiền có thể là bất kỳ ngày làm việc nào trong tháng.

- **Ngày giao dịch SIP linh hoạt:** là ngày giao dịch gần nhất sau ngày Quỹ nhận được tiền giao dịch hợp lệ thanh toán mua SIP linh hoạt của Nhà đầu tư (như vậy kỳ giao dịch nào cũng có thể là kỳ SIPLH).
- **Số lệnh được khớp trong tháng:**
  - Một (01) lệnh/tháng, khớp cho tổng số tiền mua trong một kỳ giao dịch mà Quỹ nhận được sớm nhất trong tháng.
  - Đối với các lệnh chuyển tiền của Nhà đầu tư tiếp theo sau kỳ giao dịch đầu tiên được khớp lệnh trong tháng đó, Công ty Quản lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả và tài khoản đăng ký của Nhà đầu tư trong vòng (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch gần nhất của Quỹ trừ trường hợp số tiền này được đầu tư vào kỳ giao dịch tiếp theo theo yêu cầu của nhà đầu tư gửi tới Công ty Quản lý Quỹ và được Công ty Quản lý Quỹ xác nhận giữ lại tiền. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không đủ thông tin để xác nhận được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà đầu tư trong vòng (05) ngày làm việc kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.
- Chậm dứt tham gia đầu tư định kỳ linh hoạt: Hình thức đầu tư định kỳ linh hoạt coi như là chấm dứt sau (03) tháng tính từ ngày Nhà đầu tư thực hiện giao dịch mua cuối cùng.

### **3.8. Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

- Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư dẫn tới giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư cho đến khi giá trị tài sản ròng của Quỹ đúng bằng năm mươi (50) tỷ đồng.
- Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
  - + Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

**❖ ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN MỘT PHẦN GIAO DỊCH, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ÁP DỤNG THEO NGUYÊN TẮC CÙNG MỘT TỶ LỆ.**

- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$X_i = SLDK_i * \frac{\sum GTPB}{\sum GTGD}$$

Trong đó:

$X_i$ : số lượng Chứng chỉ Quỹ thực tế của Nhà đầu tư  $i$  được thực hiện (hay số lượng Chứng chỉ Quỹ khớp lệnh bán/chuyển đổi). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

$SLDK_i$ : số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư  $i$  đăng ký bán/chuyển đổi.

$GTPB$ : tổng giá trị phân bổ mà Công ty Quản lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán/chuyển đổi của Nhà đầu tư tại kỳ giao dịch.

$GTGD$ : tổng giá trị giao dịch mà Nhà đầu tư đăng ký bán/chuyển đổi trong kỳ.

- Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được tự động hủy. Trong trường hợp Nhà đầu tư muốn tiếp tục thực hiện lệnh bán cho phần còn lại, Nhà đầu tư cần gửi lệnh cho các phần lệnh bán chưa được thực hiện tới Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh của các kỳ giao dịch tiếp theo.
- Trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần, quy định về số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản sẽ không áp dụng.

**❖ CHỨNG CHỈ QUỸ CÓ THỂ BỊ TẠM DỪNG GIAO DỊCH KHI XẢY RA MỘT TRONG CÁC SỰ KIỆN SAU ĐÂY:**

- Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu trên trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho Nhà đầu tư tùy vào tình hình thực tế nhưng không quá chín mươi (90) ngày, kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

### **3.9. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế,...)**

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại cho một tổ chức/cá nhân khác được thực hiện tại Đại lý phân phối.
- Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh của mỗi kỳ giao dịch.
- Giá dịch vụ thực hiện giao dịch: xem mục Giá dịch vụ, Phí và Lệ phí.
- Nhà đầu tư có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

### **3.10. Một số lưu ý cho Nhà đầu tư nước ngoài**

- Trước khi mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà đầu tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.
- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài theo định nghĩa trong Thông tư số 51/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư 05/2014/TT-NHNN hướng dẫn mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện chuyển khoản từ chính Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (Tài khoản IICA) của Nhà đầu tư mở tại một (01) ngân hàng lưu ký được phép vào tài khoản của Quỹ đối với việc đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ. Nhà đầu tư phải nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở Tài Khoản IICA cho Đại lý phân phối tại thời điểm đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở.
- Việc chuyển khoản mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài Tài Khoản IICA sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua Chứng chỉ Quỹ không được chuyển khoản từ Tài Khoản IICA theo quy định của pháp luật.
- Người được ủy quyền để đại diện giao dịch cho Nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 138 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.

## **4. Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch**

### **4.1. Xác định giá trị tài sản ròng**

- Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.
- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, NTP AM hoặc Ngân hàng giám sát phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát ký xác nhận.
- Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát và Công ty Quản lý Quỹ phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp các quy định tại Điều lệ Quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định vào ngày định giá và phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (của kỳ định giá ngày), một ngày được chọn cố định trong tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng).
- Công ty Quản lý Quỹ sẽ có trách nhiệm lựa chọn và trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ tại Ngân hàng giám sát.
- Các quy định khác về xác định Giá trị tài sản ròng được thực hiện theo quy định của Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

#### **4.2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng**

- **Tần suất xác định giá trị tài sản ròng:** Giá trị tài sản ròng của NTPPF được xác định vào các ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Đối với kỳ định giá tháng, giá trị tài sản ròng của NTPPF được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.
- **Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng:**

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.
- + Giá trị tài sản ròng của một Đơn vị Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ. Giá trị tài sản ròng của một Đơn vị Quỹ có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- + Phương pháp xác định cụ thể được quy định trong “Sổ tay định giá” do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và cũng được ghi rõ trong Phụ lục 4 của Bản cáo bạch này.

#### **4.3. Công bố thông tin giá trị tài sản ròng**

- Công ty Quản lý Quỹ công bố báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ định kỳ hàng tuần và công bố giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá theo quy định của pháp luật hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Nhà đầu tư cần lưu ý đây chỉ là thông tin tham khảo trong đó NTPPF không chịu trách nhiệm bất kể những khoản lỗ hay thiệt hại nào mà Nhà đầu tư phải gánh chịu khi dựa vào những thông tin công bố trên.

**Thông tin hướng dẫn Nhà đầu tư tham gia đầu tư vào Quỹ: tham khảo phụ lục 1 Bản cáo bạch này.**

### **XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

#### **1. Báo cáo tài chính**

- Các báo cáo tài chính bán niên và hàng năm sẽ được soát xét và kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo tổng kết hoạt động của Quỹ 6 tháng và kết thúc năm được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công ty Quản lý Quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.
- Nhà đầu tư có thể tham khảo báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ hàng kỳ, báo cáo tài chính quý, bán niên soát xét, báo cáo tài chính năm kiểm toán được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty Công ty Quản lý Quỹ hoặc liên lạc trụ sở chính Công ty Quản lý Quỹ.

#### **2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ trong năm**

Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ trong năm được cập nhật trên website của Quỹ khi có phát sinh.

#### **3. Giá dịch vụ, lệ phí và thưởng hoạt động**

### **3.1. Các loại giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả**

#### **a) Giá dịch vụ phát hành**

- Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi NTPPF được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và tính theo tỷ lệ % trên số tiền đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ
- Giá dịch vụ phát hành trong khi IPO và sau khi IPO do đại lý phân phối ấn định nhưng không quá 5% giá trị giao dịch.

(Xem thông báo của Công ty Quản lý Quỹ tại website: <https://ntpam.com.vn> để biết thêm chi tiết).

#### **b) Giá dịch vụ mua lại**

- Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán lại cho Quỹ một Đơn vị Quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi NTPPF được thành lập. Giá dịch vụ này khấu trừ khi thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện.
- Giá dịch vụ mua lại không quá 3% giá trị giao dịch dựa trên thời gian nắm giữ

(Xem thông báo của Công ty Quản lý Quỹ tại website <https://ntpam.com.vn> để biết thêm chi tiết).

#### **c) Giá dịch vụ chuyển đổi**

- Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi đăng ký giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ NTPPF sang một quỹ mở khác Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại các kỳ giao dịch tiếp theo sau khi NTPPF được thành lập. Nhà đầu tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại khi thực hiện chuyển đổi các loại Chứng chỉ Quỹ.
- Giá dịch vụ chuyển đổi không quá 3% giá trị chuyển đổi.

(Xem thông báo của Công ty Quản lý Quỹ tại website <https://ntpam.com.vn> để biết thêm chi tiết).

#### **d) Giá dịch vụ chuyển nhượng**

- Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi đăng ký thực hiện các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như cho, biếu, tặng, thừa kế...
- Giá dịch vụ chuyển nhượng trong các chương trình đầu tư của Quỹ: 0% áp dụng cho tất cả các giao dịch chuyển nhượng.

#### **e) Việc thanh toán các khoản giá dịch vụ**

- Các khoản giá dịch vụ nêu trên sẽ được trả cho NTP AM và Đại lý phân phối. Phần thanh toán cho Đại lý phân phối sẽ được tính dựa trên các điều khoản quy định trong Hợp đồng Đại lý phân phối được ký giữa NTP AM và Đại lý phân phối. Quỹ sẽ chỉ thị thanh toán

phần giá trị dịch vụ này cho NTP AM và Đại lý phân phối dựa trên kết quả tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.

### **3.2. Các loại giá dịch vụ do Quỹ trả**

#### **a) Giá dịch vụ Quản lý Quỹ**

- Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ NTPPF. Giá dịch vụ quản lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
- Giá dịch vụ Quản lý Quỹ NTPPF là  $1,75\% \times \text{NAV}/\text{năm}$ .
- Công thức tính Giá dịch vụ Quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ Quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ Quản lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá dịch vụ  $\times$  NAV tại ngày định giá  $\times$  số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
- Tổng giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá dịch vụ Quản lý trong tháng được xác định như sau:

#### **b) Giá dịch vụ Lưu ký, Giám sát**

- Giá dịch vụ Lưu ký, Giá dịch vụ Giám sát được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ Lưu ký, Giá dịch vụ Giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ theo biểu phí được quy định tại Hợp đồng Lưu ký Giám sát đã ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
- Giá dịch vụ Lưu ký:  $0,05\% \text{NAV}/\text{năm}$ , min 15.000.000 đồng/tháng
- Giá dịch vụ Giám sát:  $0,02\% \text{NAV}/\text{năm}$ , min 10.000.000 đồng/tháng
- Công thức tính Giá dịch vụ Lưu ký, Giám sát mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- *Giá dịch vụ Lưu ký, Giá dịch vụ Giám sát (chưa bao gồm Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng"  $\times$  "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)"  $\times$  "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá"  $\times$  "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"]. Tổng Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.*

#### **c) Giá dịch vụ Quản trị Quỹ**

- Giá dịch vụ Quản trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Giá dịch vụ Quản trị Quỹ:  $0,03\%/\text{năm}$  trên NAV, tối thiểu 15.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm VAT)
- Công thức tính Giá dịch vụ Quản trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- *Giá dịch vụ Quản trị Quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng"  $\times$  "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ*

% giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm) x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"]. Tổng Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

**d) Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng**

- Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được trả cho Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.
  - Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng:
    - + Giá dịch vụ hàng tháng: 10.000.000 VND/tháng áp dụng đến hết ngày 30/06/2022 và 12.000.000 VND/tháng áp dụng từ 01/07/2022.
    - + Giá dịch vụ giao dịch (đối với các lệnh mua, bán, chuyển đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản): 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch.
  - Công thức tính Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
    - + *Giá dịch vụ cố định cho kỳ định giá = Giá dịch vụ hàng tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của tháng.*
    - + *Giá dịch vụ giao dịch (nếu phát sinh) = 0,01% x giá trị giao dịch.*
    - + *Giá trị giao dịch = số lượng Chứng chỉ Quỹ giao dịch x NAV trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch.*
- Mức giá dịch vụ và phương thức thanh toán cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ.

**e) Các loại chi phí khác**

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, Sổ tay định giá;
- Thù lao và chi phí công tác cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi về bảo hiểm (nếu có);

- Phí nộp cơ quan quản lý khi xin chứng nhận IPO và chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;
- Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
- Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật.
- Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

#### 4. Các chỉ tiêu hoạt động

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối sau khi các giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, đảm bảo tính chính xác.

##### 4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ

###### a) Chi phí của Quỹ bao gồm các khoản chi phí sau thuế sau:

- Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ;
- Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát;
- Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao và chi phí công tác cho Ban Đại diện Quỹ;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và tài liệu khác cho Nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của Quỹ, chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.

###### b) Tỷ lệ chi phí của Quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí của Quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ là tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các Ngày định giá chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ Quỹ trong kỳ.

- Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\frac{\text{Tổng chi phí của Quỹ} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$



$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

#### 4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

- Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

- Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\% \times 365}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm là tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại các Ngày định giá chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ Quỹ trong năm.

Tổng giá trị mua vào và tổng giá trị bán ra trong kỳ là tổng giá trị mua/bán cho hoạt động đầu tư của Quỹ.

#### 4.3. Phương pháp phân chia lợi nhuận của Quỹ

- Công ty Quản lý Quỹ có thể phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo cho Nhà đầu tư bằng các phương thức đã đăng ký đến địa chỉ liên hệ và thư điện tử (email) đã đăng ký của Nhà đầu tư.
- Việc chia lợi nhuận có thể được thực hiện bằng tiền và/hoặc Chứng chỉ Quỹ nhưng phải bảo đảm nguyên tắc:
  - + Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định của pháp luật;
  - + Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận;
  - + Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
  - + Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.



- + Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- Nhà đầu tư có trong Danh sách Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi NTP AM cho việc phân chia lợi nhuận (“Ngày chốt danh sách”) được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày chốt danh sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.
- Phân chia cổ tức và tái đầu tư cổ tức. Khi Quỹ trả cổ tức bằng tiền, Nhà đầu tư có thể chọn nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc chọn tái đầu tư cổ tức để mua thêm Chứng chỉ Quỹ. Trường hợp Nhà đầu tư lựa chọn tái đầu tư cổ tức, phần cổ tức sau khi trừ đi các khoản thuế, phí sẽ được dùng để mua Chứng chỉ Quỹ trong ngày giao dịch liền sau ngày trả cổ tức tại mức giá phát hành của ngày giao dịch đó. Nhà đầu tư sẽ không phải trả lại giá dịch vụ phát hành khi tái đầu tư cổ tức để mua Chứng chỉ Quỹ. Lệnh mua tối thiểu sẽ không được áp dụng trong trường hợp này.
- Nhà đầu tư cần đăng ký rõ lựa chọn của mình trong phiếu “Đăng ký Giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở” theo mẫu. Trường hợp Nhà đầu tư không nêu rõ lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư cổ tức sẽ được Công ty Quản lý Quỹ tự động áp dụng.
- Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
  - + Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
  - + Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
  - + Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
  - + Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
  - + Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng Của Quỹ sau khi phân chia.

## 5. Chính sách thuế

- Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Đối với các Nhà đầu tư cá nhân trong nước và Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nước ngoài thực hiện bán Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ kê khai và nộp thay các khoản thuế theo quy định pháp luật (nếu có) trước khi chuyển khoản tiền bán cho Nhà đầu tư. Trường hợp có nhu cầu cung cấp văn bản xác nhận số thuế đã được nộp hộ, Nhà đầu tư cần gửi văn bản đề nghị cho Công ty Quản lý Quỹ.

- Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ NTPPF.

#### **6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ**

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

#### **7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ**

- Báo cáo hoạt động của Quỹ bao gồm:
  - + Báo cáo NAV: được công bố vào ngày làm việc tiếp theo của Ngày định giá (Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ);
  - + Báo cáo hoạt động quỹ: được thực hiện định kỳ theo quy định của pháp luật
- Các báo cáo này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, và cung cấp cho Nhà đầu tư tại văn phòng Công ty Quản lý Quỹ và tại các Đại lý phân phối chỉ định.

### **XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

1. Để hạn chế những xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ, hạn chế xung đột lợi ích giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ:
  - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
  - Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ sở hữu (Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP), Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Điều hành, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro được thiết lập để giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

### **XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

1. Việc công bố thông tin của Quỹ được thực hiện qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
  - Trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối; hoặc
  - Trên các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu Quỹ gồm Bản cáo bạch, báo cáo tài chính của Quỹ, báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ, báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, báo cáo về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật. Các tài liệu này được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà đầu tư.

#### **XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Mọi yêu cầu hỗ trợ của Nhà đầu tư sẽ được giải quyết tại văn phòng của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP hoặc các Đại lý phân phối trong giờ làm việc.
2. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của Nhà Đầu tư qua số điện thoại 0243 7100299 hoặc gửi email tới địa chỉ [info@ntpam.com.vn](mailto:info@ntpam.com.vn)

#### **XV. CAM KẾT**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

#### **XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM**

- Phụ lục 1: Quy trình và hướng dẫn đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ
- Phụ lục 2: Danh sách các Đại lý phân phối và các điểm nhận lệnh
- Phụ lục 3: Tóm tắt Điều lệ Quỹ
- Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản

Hà Nội, ngày *11* tháng *09* năm 2025

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA  
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



*Võ Trí Thành*

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NTP**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trương Khải Đạt*

## PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

### **Bước 1: Mở tài khoản**

Đối với Nhà đầu tư lần đầu thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập, Nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ bằng cách điền vào “*Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ*” theo mẫu và nộp cho Đại lý phân phối và cung cấp các giấy tờ cần thiết theo hướng dẫn của Đại lý phân phối.

### **Bước 2: Nộp tiền đối với lệnh mua Chứng chỉ Quỹ**

Nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Số tài khoản của Quỹ sẽ được Đại lý phân phối cung cấp cho Nhà đầu tư.

### **Bước 3: Đăng ký giao dịch**

Nhà đầu tư điền thông tin vào Phiếu đăng ký mua/bán/chuyển đổi/chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, đăng ký tham gia chương trình đầu tư định kỳ, hủy lệnh, thay đổi thông tin bằng cách điền vào các phiếu tương ứng theo mẫu và nộp cho Đại lý phân phối. Trường hợp Nhà đầu tư đã đăng ký tham gia giao dịch điện tử, Nhà đầu tư đặt lệnh mua/bán/chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ qua phương thức giao dịch điện tử đã đăng ký.

**Bước 4:** Đại lý phân phối tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của hồ sơ và các thông tin ghi trên phiếu lệnh, và có thể yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ/thông tin theo đúng quy định.

**Bước 5:** Đại lý phân phối chuyển thông tin về lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Đại lý chuyển nhượng.

**Bước 6:** Đại lý chuyển nhượng tổng hợp lệnh giao dịch và phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư đối với các lệnh hợp lệ.

**Bước 7:** Kết quả giao dịch sẽ được thông báo đến Nhà đầu tư trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

**Bước 8:** Thanh toán tiền bán đối với lệnh bán.

Tiền bán chứng khoán sẽ được thanh toán vào tài khoản đăng ký của Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch.

## **PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH**

Chúng chi Quỹ NTPPF được phân phối tại các điểm nhận lệnh dưới đây của các Đại lý phân phối được chỉ định.

### **1. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NTP (NTP AM)**

- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, phường Cửa Nam, Hà Nội.
- Điện thoại: 024 37100299

### **2. CÔNG TY CỔ PHẦN FINCORP**

- Trụ sở chính: 4A/167A đường Nguyễn Văn Thương, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 028 36361079

### **3. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA**

- Trụ sở chính: Phòng 702, Tầng 7 Tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 66878996

### **4. CÔNG TY CỔ PHẦN INVESTINGPRO**

- Trụ sở chính: SVP.313, Tầng 03, Tòa nhà The Golden Palm, Số 21 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 0367 487 082

### **5. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (TCBS)**

- Trụ sở chính: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 – D'Capitale, số 119 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 39446368

### PHỤ LỤC 3: TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều lệ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP gồm 15 chương, 70 Điều và 04 Phụ lục. Điều lệ Quỹ gồm những nội dung chính sau:

#### **I. Chương I: Các điều khoản chung**

Chương này gồm bảy (07) Điều, từ Điều 1 đến Điều 7, cung cấp thông tin liên quan đến tên, địa chỉ liên hệ, thời hạn hoạt động của Quỹ, tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán, các thông tin về Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là năm mươi tám tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm đồng (58.042.439.200 đồng). Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.

#### **II. Chương II: Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư**

Chương này gồm năm (05) Điều, từ Điều 8 đến Điều 12, quy định mục tiêu, chiến lược đầu tư, hạn chế đầu tư, các quy định về hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ, phương pháp lựa chọn đầu tư. Các quy định này đã được quy định tại mục 3, phần IX của Bản cáo bạch.

#### **III. Chương III: Nhà đầu tư, sổ đăng ký Nhà đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

Chương này gồm chín (09) Điều, từ Điều 13 đến Điều 21, quy định các nội dung về Nhà đầu tư, quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư, sổ đăng ký Nhà đầu tư và các quy định về giao dịch Chứng chỉ Quỹ, mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, giá phát hành, giá mua lại, thừa kế Chứng chỉ Quỹ, giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.

Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông qua bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức ký.

***Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư được quy định tại Điều 14 Điều lệ Quỹ:***

1. Nhà đầu tư có quyền:

- a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ Chứng chỉ Quỹ nắm giữ;
- b) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ Chứng chỉ Quỹ nắm giữ;
- c) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của Quỹ;
- d) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
- e) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư; Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội nhà đầu tư dưới hình

- thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- f) Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
  - g) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
  - h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
  - i) Các quyền khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.
2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:
- a) Chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
  - b) Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
  - c) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
  - b) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường bất thường trong các trường hợp sau:
    - Có căn cứ xác thực về việc Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
    - Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
    - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
  - c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;
  - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc;
  - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
4. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu có các quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội

đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc Nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát.

***Quy định về sổ đăng ký Nhà đầu tư được quy định tại Điều 15 Điều lệ Quỹ:***

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho Đại lý chuyên nhượng lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền Đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
  - b) Tổng số Chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
  - c) Danh sách Nhà đầu tư:
    - Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
    - Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
  - d) Số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
  - e) Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán.
  - f) Ngày lập Sổ đăng ký Nhà đầu tư.

3. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên sổ chính, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.
- Quy định về giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chi tiết tại Điều 16 và Điều 17 của Điều lệ Quỹ.
- Quy định về giá phát hành, giá mua lại được chi tiết tại Điều 18; Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi đơn vị Quỹ được chi tiết tại Điều 19 của Điều lệ Quỹ.
- Quy định về thừa kế Chứng chỉ Quỹ được chi tiết tại Điều 20 của Điều lệ Quỹ.
- Quy định về giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ được chi tiết tại Điều 21 của Điều lệ Quỹ.

#### **IV. Chương IV: Đại hội nhà đầu tư**

Chương này gồm năm (05) Điều, từ Điều 22 đến Điều 26, quy định các nội dung liên quan đến Đại hội nhà đầu tư, quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư, điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư, Quyết định của Đại hội nhà đầu tư và việc phản đối Quyết định của Đại hội nhà đầu tư.

*Đại hội nhà đầu tư được quy định tại Điều 22 Điều lệ Quỹ bao gồm các nội dung sau:*

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước thời điểm Công ty Quản lý Quỹ triệu tập cuộc họp Đại hội nhà đầu tư đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư thường niên phải được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện Quỹ, Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
3. Đại hội nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
  - a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
  - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại điểm b, khoản 14.3 Điều 14 Điều lệ Quỹ.
4. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.

5. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp trực tiếp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 23.2, 23.3, 23.4 và 23.5 Điều 23 của Điều lệ Quỹ, trong các trường hợp khác, Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp cho các Đại hội nhà đầu tư thường niên và bất thường.
6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Quỹ.

***Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư được quy định tại Điều 23 Điều lệ Quỹ:***

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
2. Các thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ;
3. Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
4. Chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
5. Giải thể Quỹ;
6. Phương án phân phối lợi tức;
7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ.
8. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ.
9. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư.
10. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.

***Điều kiện, thủ tục tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư và lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản được quy định tại Điều 24 Điều lệ Quỹ:***

1. Chương trình, nội dung họp Đại hội nhà đầu tư và các tài liệu khác liên quan tới cuộc họp phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.
2. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
3. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 nêu trên, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
5. Thể thức, hình thức họp Đại hội nhà đầu tư:
  - a) Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách thông qua lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Trường hợp cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội nhà đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
  - b) Đại hội nhà đầu tư do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban đại diện Quỹ đứng ra chủ trì.
6. Tất cả các cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
7. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản:
  - a) Công ty Quản lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu/thư lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu/thư lấy ý kiến được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Nhà đầu tư, gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của Nhà đầu tư.
  - b) Phiếu/thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty Quản lý Quỹ;
    - Mục đích lấy ý kiến;
    - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà đầu tư và đại diện theo ủy

- quyền của Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Đơn vị Quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư;
- Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
  - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ;
- c) Ý kiến đã trả lời gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu/thư lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu/thư lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu/thư không tham gia biểu quyết.
- d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty Quản lý Quỹ;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
  - Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ;
- g) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư.

***Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được quy định tại Điều 25 Điều lệ Quỹ***

1. Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Công ty kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết trừ trường hợp có sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
3. Đối với các nội dung quy định tại khoản 23.2, 23.3, 23.4, 23.5 Điều 23 Điều lệ Quỹ, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.

4. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
5. Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.
6. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 4 nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết Đại hội nhà đầu tư gửi cho Ngân hàng giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Trường hợp Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư được quy định tại Điều 26 của Điều lệ Quỹ, theo đó:***

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại khoản 23.2, 23.3, 23.4 và 23.5 Điều 23 Điều lệ Quỹ có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 nêu trên. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

**V. Chương V: Ban Đại diện Quỹ**

Chương này gồm tám (8) Điều, từ Điều 27 đến Điều 34, quy định các nội dung cơ bản về Ban đại diện Quỹ, bao gồm: số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ, cơ cấu, thành phần Ban đại diện Quỹ; tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ; quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện Quỹ, Chủ tịch Ban đại diện Quỹ; thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ; đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ; Biên bản họp Ban đại diện Quỹ.

Theo đó, Ban đại diện Quỹ đại diện cho Nhà đầu tư, được bầu tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ là thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b) Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật.

Trong trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức là thành viên Ban đại diện Quỹ, việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đó của Nhà đầu tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên Ban đại diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền mới của Nhà đầu tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được Đại hội nhà đầu tư bầu theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị.

***Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 29 Điều lệ Quỹ, bao gồm:***

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt số tay định giá trị tài sản ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 9.3 Điều 9 Điều lệ Quỹ; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
5. Trường hợp Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 23 Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin quyết định của

Ban đại diện Quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

6. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ.

***Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 30 Điều lệ Quỹ, theo đó:***

Thành viên Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với Thành viên hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều lệ Quỹ;
2. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Quỹ;
3. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Nhà đầu tư và của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ;
4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
5. Quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

***Quy định về Chủ tịch Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 31 Điều lệ Quỹ, theo đó:***

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
  - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
  - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

***Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 32 Điều lệ Quỹ:***

Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện

các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

***Thành viên Ban đại diện Quỹ được bầu, bị đình chỉ, bãi miễn hoặc bầu bổ sung trong các trường hợp tại Điều 33 Điều lệ Quỹ:***

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
  - a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
  - b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;
  - d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
  - e) Có văn bản thông báo thành viên Ban đại diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức.
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
  - a) Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ;
  - b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
  - c) Bị cách chức thành viên Ban đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
  - f) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ;
  - e) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ Quỹ.

***Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 34 Điều lệ Quỹ:***

1. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên).
3. Nghị quyết, quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác mà Ban đại diện cho là phù hợp. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.

4. Nghị quyết, quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
5. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.

## **VI. Chương VI: Công ty Quản lý Quỹ**

Chương này gồm bốn (4) Điều, từ Điều 35 đến Điều 38, quy định các nội dung về tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ; trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ; chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ; hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

Theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Quỹ thì tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ:

- Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý quỹ.
- Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát.
- Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý quỹ.
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

*Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ được quy định tại Điều 36 Điều lệ Quỹ:*

1. Nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ
  - a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Quản lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.
  - b) Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
  - c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải:
    - Thực hiện việc đầu tư tài sản của Quỹ theo các quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ; Ký Hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;
    - Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện Quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho Ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát;

- Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết Công ty Quản lý Quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
  - Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác; tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do Công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký các tài sản đó;
  - Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, VSDC tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ.
  - Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ để quản lý điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Những người điều hành Quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu (02) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.
- d) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ;
  - Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà đầu tư. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ Quỹ;
  - Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và các quy định tại Điều lệ Quỹ.
- e) Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định

của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát.

- f) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.
- g) Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- h) Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty Quản lý Quỹ hoặc do Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- i) Công ty Quản lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nếu xét thấy cần thiết hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm h khoản này.
- j) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng, nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan.
- k) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan.
- l) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
- Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ; và
  - Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ.

Quy định này không áp dụng trong trường hợp Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (6) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đến hết năm mà Quỹ được thành lập.

- m) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- n) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.
- o) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

## 2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ

- a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều lệ Quỹ;
- b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- e) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ;
- f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ;
- i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ và các quy định khác của pháp luật.

*Việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ được quy định tại Điều 37 Điều lệ Quỹ*

- 1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
  - a) Công ty Quản lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;

- b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ;
  - c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
  - d) Tổ chức lại Công ty Quản lý Quỹ;
  - e) Quỹ hết thời gian hoạt động;
  - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 nêu trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty Quản lý Quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công ty Quản lý Quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.
  3. Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 nêu trên.
  4. Tiền bồi thường khi thay đổi Công ty Quản lý Quỹ:
  5. Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại điểm b khoản 1 nêu trên, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản chi phí đã được quy định tại Điều lệ Quỹ) theo biểu phí như sau:

Tiền bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty Quản lý Quỹ
2,0%	Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

- NAV được sử dụng để tính tiền bồi thường cho Công ty Quản lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ đã được Ngân hàng giám sát xác nhận.
- Khoản tiền bồi thường này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công ty Quản lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.
- Nếu Đại hội nhà đầu tư quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ vì lý do vi phạm các quy định pháp luật và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khoản tiền nêu trên.

**Các quy định về hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ tại Điều 38 Điều lệ Quỹ:**

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát của Quỹ, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty Quản lý Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban điều hành, nhân viên bộ phận Kiểm toán nội bộ, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân hàng giám sát và ngược lại.
2. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được phép mua hoặc bán Đơn vị Quỹ bằng với giá phát hành hoặc giá mua lại, trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b, khoản 5 dưới đây.
3. Tất cả giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo cho bộ phận Kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải bao gồm tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận Kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban điều hành, nhân viên bộ phận Kiểm toán nội bộ, nhân viên Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
  - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
  - b) Không được sử dụng tài sản ủy thác của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ đại chúng, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
  - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn Điều lệ;
  - d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác.

6. Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

## **VII. Chương VII: Ngân hàng giám sát**

Chương này gồm bốn (4) Điều, từ Điều 39 đến Điều 42, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát; trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng giám sát; hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát; chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng giám sát.

Điều 39 Điều lệ Quỹ quy định tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát:

- Ngân hàng giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
- Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ;
- Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc; người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát và ngược lại;
- Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản Quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ;
- Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ Lục 2 và Phụ Lục 3 của Điều lệ Quỹ.

### ***Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát tại Điều 40 Điều lệ Quỹ:***

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát
  - a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư;
  - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;
  - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
  - d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
  - e) Tách bạch tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và tài sản của chính Ngân hàng giám sát;

- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- l) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát;
- m) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí, giá dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

## 2. Quyền của Ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát được quyền nhận các loại giá dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- b) Được quyền tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

### ***Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 41 Điều lệ Quỹ:***

- 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:
  - a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, kiểm tra bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
  - b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn

- chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;
- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
  - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ;
  - e) Công ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm gửi tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân hàng giám sát, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty Quản lý Quỹ, chuyển khoản tiền gửi tới ngân hàng đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng đó;
  - f) Giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.
  - g) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ lập.
2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của
  3. Ngân hàng giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
  4. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.

***Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát chấm dứt trong các trường hợp tại Điều 42 Điều lệ Quỹ:***

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
  - a) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;

- b) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng giám sát;
  - c) Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
  - d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 nêu trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng giám sát khác theo quy định của pháp luật.

### **VIII. Chương VIII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan**

Chương này gồm năm (5) Điều, từ Điều 43 đến Điều 47, quy định về các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài), tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền và chấm dứt hoạt động ủy quyền.

### **IX. Chương IX: Đại lý phân phối, Đại lý ký danh**

Chương này gồm ba (3) Điều, từ Điều 48 đến Điều 50, quy định về điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ mở, hoạt động của Đại lý phân phối/ Đại lý ký danh, quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ. Theo đó, điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối là:

- Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ.
- Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:
  - a) Làm đại lý ký danh;
  - b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

### **X. Chương X: Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo**

Chương này gồm năm (5) Điều, từ Điều 51 đến Điều 55, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán, năm tài chính, chế độ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo khác. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp.
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- c) Là công ty kiểm toán nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.
- d) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

Năm tài chính của Quỹ là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập Quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

#### **XI. Chương XI: Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ**

Chương này gồm bốn (4) Điều, từ Điều 56 đến Điều 59, quy định các nội dung liên quan đến xác định giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ. Nội dung của Chương này đã được nêu tại mục X của Bản cáo bạch này.

#### **XII. Chương XII: Giá dịch vụ phát hành, thu nhập và các chi phí hoạt động của Quỹ**

Chương này gồm ba (3) Điều, từ Điều 60 đến Điều 62, quy định nguyên tắc, hình thức phân chia lợi nhuận và các chi phí hoạt động của Quỹ. Nội dung của Chương này đã được nêu tại mục XI của Bản cáo bạch này.

#### **XIII. Chương XIII: Tái cơ cấu Quỹ và giải thể Quỹ**

Chương này gồm ba (3) Điều, từ Điều 63 đến Điều 65, quy định điều kiện hợp nhất, sáp nhập, chia, tách và giải thể Quỹ.

*Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập được quy định tại Điều 63 Điều lệ Quỹ như sau:*

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

*Các điều kiện chia, tách Quỹ quy định tại Điều 64 Điều lệ Quỹ:*

3. Việc chia, tách Quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận và đảm bảo các yêu cầu sau:
  - a) Được Đại hội nhà đầu tư thông qua việc chia, tách;
  - b) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách đáp ứng các điều kiện của Luật Chứng khoán;
  - c) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát.
  - d) Các sự kiện khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.

4. Việc chia, tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

**Các điều kiện giải thể Quỹ được quy định tại Điều 65 Điều lệ Quỹ:**

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
  - a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mà Ban đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
  - b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
  - c) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
  - d) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (6) tháng;
2. Việc thanh lý, giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận và thực hiện theo quy định của pháp luật.

**XIV. Chương XIV: Giải quyết các xung đột lợi ích**

Chương này có một (1) Điều (Điều 66), quy định về nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

**XV. Chương XV: Công bố thông tin và sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Chương này gồm bốn (4) Điều, từ Điều 67 đến Điều 70, quy định về công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, đăng ký Điều lệ và điều khoản thi hành. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Điều lệ Quỹ có 04 Phụ lục:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

## PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

### A- Giá trị tài sản

Stt	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	- Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
<b>Trái phiếu</b>		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc

		- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
<b>Cổ phiếu</b>		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau; <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Mệnh giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>

<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận
<b>Các tài sản khác</b>		
15	Bất động sản	Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

**Ghi chú**

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

**B- Giá trị cam kết**

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:
  - a) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phát sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
  - b) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán,



ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

c) Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

Stt	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn <sup>1</sup> điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta <sup>2</sup>
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn <sup>3</sup> điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng Giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

**Chú thích:**

<sup>1</sup> Nếu Quỹ nắm vị trí mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

<sup>2</sup> Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở.

Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1.

Trong trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

<sup>3</sup> Nếu Quỹ nắm vị trí mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).